

Số: 1531/QĐ-UBND

Đà Nẵng, ngày 21 tháng 7 năm 2023

### QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố bộ thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của  
Ban quản lý An toàn thực phẩm thành phố Đà Nẵng

#### CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Nghị định số 15/2018/NĐ-CP ngày 02 tháng 02 năm 2018 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật An toàn thực phẩm;*

*Căn cứ Nghị định số 123/2018/NĐ-CP ngày 17 tháng 9 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định về điều kiện đầu tư, kinh doanh trong lĩnh vực Nông nghiệp;*

*Căn cứ Nghị định số 155/2018/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số quy định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Y tế;*

*Căn cứ Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 02 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương;*

*Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Thông tư số 44/2018/TT-BTC ngày 07 tháng 05 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ tài chính về việc Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 285/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016 quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý phí, lệ phí trong công tác thú y; Thông tư 286/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ*



thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định quản lý chất lượng, an toàn thực phẩm trong lĩnh vực nông nghiệp;

Căn cứ Thông tư số 43/2018/TT-BCT ngày 15 tháng 11 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về quản lý an toàn thực phẩm thuộc trách nhiệm của Bộ Công Thương;

Căn cứ Thông tư số 38/2018/TT-BNNPTNT ngày 25 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Quy định việc thẩm định, chứng nhận cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông, lâm, thủy sản đủ điều kiện an toàn thực phẩm thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Căn cứ Thông tư số 67/2021/TT-BTC ngày 05 tháng 8 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí trong công tác an toàn vệ sinh thực phẩm;

Căn cứ Thông tư số 32/2022/TT-BNNPTNT ngày 30 tháng 12 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Sửa đổi, bổ sung một số Thông tư quy định việc thẩm định, chứng nhận cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông, lâm, thủy sản đủ điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Căn cứ Quyết định số 2318/QĐ-BYT ngày 06 tháng 04 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành/bãi bỏ lĩnh vực an toàn thực phẩm và dinh dưỡng thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Y tế;

Căn cứ Quyết định số 135/QĐ-BYT ngày 20 tháng 01 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc sửa đổi, bổ sung thủ tục hành chính mới ban hành trong lĩnh vực an toàn thực phẩm và dinh dưỡng thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Y tế;

Căn cứ Quyết định số 688A/QĐ-BCT ngày 28 tháng 02 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Công Thương về việc công bố thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung/bãi bỏ thuộc chức năng quản lý nhà nước của Bộ Công Thương;

Căn cứ Quyết định 371/QĐ-BNN-QLCL ngày 19 tháng 01 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Theo đề nghị của Trưởng ban Ban Quản lý An toàn thực phẩm tại Tờ trình số 876/TTr-BQLATTP ngày 13 tháng 07 năm 2023.

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Công bố kèm theo Quyết định này bộ thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Ban Quản lý An toàn thực phẩm thành phố Đà Nẵng.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 2789/QĐ-UBND ngày 31 tháng 10 năm 2022 của Chủ tịch

UBND thành phố Đà Nẵng về việc công bố bộ thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Ban Quản lý An toàn thực phẩm.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Trưởng ban Ban Quản lý An toàn thực phẩm, Thủ trưởng các sở, ban, ngành; Ủy ban nhân dân các quận, huyện và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. / *ml*

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Cục Kiểm soát TTHC (VP Chính phủ);
- Trung tâm thông tin dịch vụ công;
- Cổng thông tin điện tử thành phố;
- Lưu: VT, KSTT, BQLATTP.

**CHỦ TỊCH**



*ml*

**Lê Trung Chinh**

**THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT  
CỦA BAN QUẢN LÝ AN TOÀN THỰC PHẨM**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1531 /QĐ-UBND ngày 21 tháng 7 năm 2023  
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng)

**Phần I**

**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI  
QUYẾT CỦA BAN QUẢN LÝ AN TOÀN THỰC PHẨM**

**1. Danh mục thủ tục hành chính giữ nguyên và sửa đổi**

STT	Tên thủ tục hành chính	Mã thủ tục hành chính	Ghi chú
<b>I</b>	<b>Lĩnh vực An toàn thực phẩm và Dinh dưỡng</b>		
1	Thủ tục đăng ký bản công bố sản phẩm nhập khẩu đối với thực phẩm dinh dưỡng y học, thực phẩm dùng cho chế độ ăn đặc biệt, sản phẩm dinh dưỡng cho trẻ đến 36 tháng tuổi	1.003348	Giữ nguyên
2	Thủ tục đăng ký bản công bố sản phẩm sản xuất trong nước đối với thực phẩm dinh dưỡng y học, thực phẩm dùng cho chế độ ăn đặc biệt, sản phẩm dinh dưỡng cho trẻ đến 36 tháng tuổi	1.003332	Giữ nguyên
3	Thủ tục xác nhận đăng ký nội dung quảng cáo đối với sản phẩm dinh dưỡng y học, thực phẩm dùng cho chế độ ăn đặc biệt, sản phẩm dinh dưỡng dùng cho trẻ đến 36 tháng tuổi	1.003108	Giữ nguyên
4	Thủ tục cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất thực phẩm, kinh doanh dịch vụ ăn uống	1.002425	Giữ nguyên
<b>II</b>	<b>Lĩnh vực An toàn thực phẩm</b>		
5	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm ngành Công Thương	2.000591	Sửa đổi
6	Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm ngành Công Thương	2.000535	Sửa đổi

<b>III</b>	<b>Lĩnh vực Quản lý chất lượng nông lâm thủy sản</b>		
7	Thủ tục cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông, lâm, thủy sản	2.001827	Sửa đổi
8	Thủ tục cấp lại giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông, lâm, thủy sản (trước 06 tháng tính đến ngày giấy chứng nhận hết hạn)	2.001823	Sửa đổi

## 2. Danh mục thủ tục hành chính bị bãi bỏ

TT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Tên VBQPPL quy định việc bãi bỏ thủ tục hành chính
1	2.001819	Cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh nông, lâm, thủy sản (trường hợp Giấy chứng nhận ATTP vẫn còn thời hạn hiệu lực nhưng bị mất, bị hỏng, thất lạc, hoặc có sự thay đổi, bổ sung thông tin trên Giấy chứng nhận ATTP).	Thông tư số 32/2022/TT-BNNPTNT sửa đổi, bổ sung một số Thông tư quy định thẩm định, chứng nhận cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông, lâm, thủy sản đủ điều kiện an toàn thực phẩm thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

## Phần II

### NỘI DUNG DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA BAN QUẢN LÝ AN TOÀN THỰC PHẨM

**1. Thủ tục đăng ký bản công bố sản phẩm nhập khẩu đối với thực phẩm dinh dưỡng y học, thực phẩm dùng cho chế độ ăn đặc biệt, sản phẩm dinh dưỡng cho trẻ đến 36 tháng tuổi**

**a) Trình tự thực hiện:**

**Bước 1:** Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thực phẩm nộp hồ sơ đăng ký bản công bố sản phẩm qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến hoặc bưu điện hoặc nộp trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thuộc Ban Quản lý An toàn thực phẩm vào tất cả các ngày làm việc từ thứ hai đến thứ sáu, trừ các ngày lễ theo quy định. Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả chuyển hồ sơ về phòng chuyên môn xử lý.

Trong trường hợp tổ chức, cá nhân sản xuất nhiều loại thực phẩm thuộc thẩm quyền tiếp nhận hồ sơ đăng ký bản công bố sản phẩm của cả Bộ Y tế và cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chỉ định thì tổ chức, cá nhân có quyền lựa chọn nộp hồ sơ đến Bộ Y tế hoặc sản phẩm thuộc thẩm quyền tiếp nhận hồ sơ đăng ký của cơ quan nào thì nộp hồ sơ đăng ký đến cơ quan tiếp nhận đó.

Trong trường hợp tổ chức, cá nhân có từ 02 (hai) cơ sở sản xuất trở lên cùng sản xuất một sản phẩm thì tổ chức, cá nhân chỉ làm thủ tục đăng ký bản công bố sản phẩm tại một cơ quan quản lý nhà nước ở địa phương có cơ sở sản xuất do tổ chức, cá nhân lựa chọn (trừ những sản phẩm đăng ký tại Bộ Y tế). Khi đã lựa chọn cơ quan quản lý nhà nước để đăng ký thì các lần đăng ký tiếp theo phải đăng ký tại cơ quan đã lựa chọn.

**Bước 2:** Trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ đăng ký, phòng chuyên môn có trách nhiệm thẩm định hồ sơ và trình Trưởng ban Ban Quản lý An toàn thực cấp Giấy tiếp nhận đăng ký bản công bố sản phẩm theo Mẫu số 03 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định này. Thời gian thẩm định hồ sơ tính từ thời điểm hồ sơ được nộp trên hệ thống dịch vụ công trực tuyến hoặc theo dấu đến của Ban Quản lý An toàn thực phẩm (trong trường hợp nộp hồ sơ qua đường bưu điện hoặc nộp hồ sơ trực tiếp tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Ban)

**Bước 3:** Trong trường hợp không đồng ý với hồ sơ công bố sản phẩm của tổ chức, cá nhân hoặc yêu cầu sửa đổi, bổ sung, Phòng chuyên môn trình Ban Quản lý An toàn thực phẩm văn bản nêu rõ lý do và căn cứ pháp lý của việc yêu cầu. Chỉ được yêu cầu sửa đổi, bổ sung 01 lần

Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ khi nhận hồ sơ sửa đổi, bổ sung, Phòng chuyên môn thẩm định hồ sơ và có văn bản trả lời. Sau 90 ngày làm việc kể từ khi có công văn yêu cầu sửa đổi, bổ sung nếu tổ chức, cá nhân không sửa đổi, bổ sung thì hồ sơ không còn giá trị.

Trường hợp sản phẩm có sự thay đổi về tên sản phẩm, xuất xứ, thành phần cấu tạo thì tổ chức, cá nhân phải công bố lại sản phẩm. Các trường hợp có sự thay đổi khác, tổ chức, cá nhân thông báo bằng văn bản về nội dung thay đổi đến Ban Quản lý An toàn thực phẩm và được sản xuất, kinh doanh sản phẩm ngay sau khi gửi thông báo

Phòng chuyên môn chuyển kết quả đến Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả để gửi trả Giấy tiếp nhận cho tổ chức, cá nhân

Ban Quản lý An toàn thực phẩm có trách nhiệm thông báo công khai tên, sản phẩm của tổ chức, cá nhân đã được tiếp nhận đăng ký bản công bố sản phẩm trên Trang thông tin điện tử (website) và cơ sở dữ liệu về an toàn thực phẩm.

#### **b) Cách thức thực hiện:**

Nộp qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến hoặc qua đường bưu điện hoặc nộp trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thuộc Ban quản lý An toàn thực phẩm.

#### **c) Thành phần hồ sơ:**

1. Bản công bố sản phẩm theo Mẫu số 02 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 15/2018/NĐ-CP ngày 02/02/2018;

2. Phiếu kết quả kiểm nghiệm an toàn thực phẩm của sản phẩm trong thời hạn 12 tháng tính đến ngày nộp hồ sơ được cấp bởi phòng kiểm nghiệm được chỉ định hoặc phòng kiểm nghiệm được công nhận phù hợp ISO 17025 gồm các chỉ tiêu an toàn do Bộ Y tế ban hành theo nguyên tắc quản lý rủi ro phù hợp với quy định của quốc tế hoặc các chỉ tiêu an toàn theo các quy chuẩn, tiêu chuẩn tương ứng do tổ chức, cá nhân công bố trong trường hợp chưa có quy định của Bộ Y tế (bản chính hoặc bản sao chứng thực);

3. Bằng chứng khoa học chứng minh công dụng của sản phẩm hoặc của thành phần tạo nên công dụng đã công bố (bản chính hoặc bản sao có xác nhận của tổ chức, cá nhân). Khi sử dụng bằng chứng khoa học về công dụng thành phần của sản phẩm để làm công dụng cho sản phẩm thì liều sử dụng hàng ngày của sản phẩm tối thiểu phải lớn hơn hoặc bằng 15% lượng sử dụng thành phần đó đã nêu trong tài liệu. Các tài liệu trong hồ sơ đăng ký bản công bố sản phẩm phải được thể hiện bằng tiếng Việt; trường hợp có tài liệu bằng tiếng nước ngoài thì phải được dịch sang tiếng Việt và được công chứng. Tài liệu phải còn hiệu lực tại thời điểm nộp hồ sơ đăng ký bản công bố sản phẩm;

4. Giấy chứng nhận lưu hành tự do (Certificate of Free Sale) hoặc Giấy chứng nhận xuất khẩu (Certificate of Exportation) hoặc Giấy chứng nhận y tế (Health Certificate) của cơ quan có thẩm quyền của nước xuất xứ/xuất khẩu cấp có nội dung bảo đảm an toàn cho người sử dụng hoặc được bán tự do tại thị trường của nước sản xuất/xuất khẩu (hợp pháp hóa lãnh sự).

**d) Số lượng hồ sơ:** 01 bộ

**đ) Thời hạn giải quyết:** 07 ngày làm việc

**e) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Tổ chức, cá nhân.

*YM*

**g) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:** Ban Quản lý An toàn thực phẩm thành phố Đà Nẵng

**h) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Giấy tiếp nhận đăng ký bản công bố sản phẩm

**i) Phí:** 1.500.000 đồng/1 sản phẩm

**k) Tên mẫu đơn:** Mẫu số 02 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định 15/2018/NĐ-CP: Bản công bố sản phẩm

**l) Yêu cầu, điều kiện thủ tục hành chính**

- Có Bản công bố sản phẩm theo quy định

- Có Giấy chứng nhận lưu hành tự do (Certificate of Free Sale) hoặc Giấy chứng nhận xuất khẩu (Certificate of Exportation) hoặc Giấy chứng nhận y tế (Health Certificate) của cơ quan có thẩm quyền của nước xuất xứ/xuất khẩu cấp có nội dung bảo đảm an toàn cho người sử dụng hoặc được bán tự do tại thị trường của nước sản xuất/xuất khẩu (hợp pháp hóa lãnh sự)

- Có Phiếu kết quả kiểm nghiệm an toàn thực phẩm của sản phẩm trong thời hạn 12 tháng tính đến ngày nộp hồ sơ được cấp bởi phòng kiểm nghiệm được chỉ định hoặc phòng kiểm nghiệm được công nhận phù hợp ISO 17025 gồm các chỉ tiêu an toàn do Bộ Y tế ban hành theo nguyên tắc quản lý rủi ro phù hợp với quy định của quốc tế hoặc các chỉ tiêu an toàn theo các quy chuẩn, tiêu chuẩn tương ứng do tổ chức, cá nhân công bố trong trường hợp chưa có quy định của Bộ Y tế (bản chính hoặc bản sao chứng thực);

**m) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Luật An toàn thực phẩm số 55/2010/QH12 ngày 17/06/2010 của Quốc hội;

- Nghị định số 15/2018/NĐ-CP ngày 02 tháng 02 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật An toàn thực phẩm;

- Quyết định số 2318/QĐ-BYT ngày 06 tháng 04 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành/bãi bỏ lĩnh vực an toàn thực phẩm và dinh dưỡng thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Y tế;

- *Thông tư số 67/2021/TT-BTC ngày 05 tháng 8 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí trong công tác an toàn vệ sinh thực phẩm;*

- Quyết định 31/2018/QĐ-UBND ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Ủy ban nhân dân Thành phố Đà Nẵng về việc ban hành Quy định phân công, phân cấp, phối hợp quản lý an toàn thực phẩm trên địa bàn Thành phố Đà Nẵng.

- *Quyết định số 10/2022/QĐ-UBND ngày 04 tháng 5 năm 2022 của Ủy ban nhân dân Thành phố Đà Nẵng sửa đổi, bổ sung một số điều của quy định phân công, phân cấp, phối hợp quản lý an toàn thực phẩm trên địa bàn Thành phố Đà Nẵng ban hành kèm theo Quyết định 31/2018/QĐ-UBND ngày 28 tháng 9 năm 2018 của UBND thành phố Đà Nẵng.*



**Mẫu số 02 Phụ lục I**

(Ban hành kèm theo Nghị định số 15/2018/NĐ-CP ngày 02/02/2018  
của Thủ tướng Chính phủ)

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

-----  
**BẢN CÔNG BỐ SẢN PHẨM**

Số:.....

**I. Thông tin về tổ chức, cá nhân công bố sản phẩm**

Tên tổ chức, cá nhân: .....

Địa chỉ: .....

Điện thoại: ..... Fax: .....

E-mail .....

Mã số doanh nghiệp: .....

Số Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP: ..... Ngày cấp/Nơi cấp:

.....

(đối với cơ sở thuộc đối tượng phải cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm theo quy định)

**II. Thông tin về sản phẩm**

1. Tên sản phẩm: .....

2. Thành phần: .....

3. Chỉ tiêu chất lượng chủ yếu tạo nên công dụng của sản phẩm (đối với thực phẩm bảo vệ sức khỏe):

4. Thời hạn sử dụng sản phẩm: .....

5. Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì: .....

6. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất sản phẩm: .....

**III. Mẫu nhãn sản phẩm** (đính kèm mẫu nhãn sản phẩm hoặc mẫu nhãn sản phẩm dự kiến)

**IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm**

Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thực phẩm đạt yêu cầu an toàn thực phẩm theo:

- Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia số....; hoặc
- Thông tư của các bộ, ngành; hoặc
- Quy chuẩn kỹ thuật địa phương; hoặc

- Tiêu chuẩn Quốc gia (trong trường hợp chưa có các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, Thông tư của các Bộ ngành, Quy chuẩn kỹ thuật địa phương); hoặc
- Tiêu chuẩn của Ủy ban tiêu chuẩn thực phẩm quốc tế (Codex), Tiêu chuẩn khu vực, Tiêu chuẩn nước ngoài (trong trường hợp chưa có quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, Thông tư của các bộ ngành, Quy chuẩn kỹ thuật địa phương, Tiêu chuẩn quốc gia); hoặc
- Tiêu chuẩn nhà sản xuất đính kèm (trong trường hợp chưa có quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, Thông tư của các bộ ngành, Quy chuẩn kỹ thuật địa phương, Tiêu chuẩn quốc gia, Tiêu chuẩn của Ủy ban tiêu chuẩn thực phẩm quốc tế (Codex), Tiêu chuẩn khu vực, Tiêu chuẩn nước ngoài).

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố và chỉ đưa sản phẩm vào sản xuất, kinh doanh khi đã được cấp Giấy tiếp nhận đăng ký bản công bố sản phẩm./.

....., ngày.... tháng.... năm.....  
**ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN**  
(Ký tên, đóng dấu)

**Mẫu số 03 Phụ lục I**

(Ban hành kèm theo Nghị định số 15/2018/NĐ-CP ngày 02/02/2018  
của Thủ tướng Chính phủ)

UBND THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
BAN QUẢN LÝ Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  
AN TOÀN THỰC PHẨM

....., ngày.... tháng.... năm.....

**GIẤY TIẾP NHẬN ĐĂNG KÝ BẢN CÔNG BỐ SẢN PHẨM**

**Số:** /năm/ĐKSP

Ban Quản lý An toàn thực phẩm thành phố Đà Nẵng xác nhận đã nhận Bản công bố sản phẩm của: ..... (tên của tổ chức, cá nhân)

Địa chỉ.....

Điện thoại, ..... Fax.....

Email .....

Cho sản phẩm:.....

Do ..... (tên, địa chỉ nơi sản xuất và nước xuất xứ)  
..... sản xuất, phù hợp quy chuẩn kỹ thuật/quy định/tiêu chuẩn... (số  
hiệu, ký hiệu, tên gọi) .....

Doanh nghiệp phải hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính phù hợp của sản phẩm đã công bố./.

**Nơi nhận:**

- Tổ chức, cá nhân;
- Lưu trữ.

**TRƯỞNG BAN**  
(Ký tên, đóng dấu)

## **2. Thủ tục đăng ký bản công bố sản phẩm sản xuất trong nước đối với thực phẩm dinh dưỡng y học, thực phẩm dùng cho chế độ ăn đặc biệt, sản phẩm dinh dưỡng cho trẻ đến 36 tháng tuổi**

**Bước 1:** Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thực phẩm nộp hồ sơ đăng ký bản công bố sản phẩm qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến hoặc bưu điện hoặc nộp trực tiếp tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thuộc Ban Quản lý An toàn thực phẩm vào tất cả các ngày làm việc từ thứ hai đến thứ sáu, trừ các ngày lễ theo quy định. Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả chuyển hồ sơ về phòng chuyên môn xử lý.

Trong trường hợp tổ chức, cá nhân sản xuất nhiều loại thực phẩm thuộc thẩm quyền tiếp nhận hồ sơ đăng ký bản công bố sản phẩm của cả Bộ Y tế và cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chỉ định thì tổ chức, cá nhân có quyền lựa chọn nộp hồ sơ đến Bộ Y tế hoặc sản phẩm thuộc thẩm quyền tiếp nhận hồ sơ đăng ký của cơ quan nào thì nộp hồ sơ đăng ký đến cơ quan tiếp nhận đó.

Trong trường hợp tổ chức, cá nhân có từ 02 (hai) cơ sở sản xuất trở lên cùng sản xuất một sản phẩm thì tổ chức, cá nhân chỉ làm thủ tục đăng ký bản công bố sản phẩm tại một cơ quan quản lý nhà nước ở địa phương có cơ sở sản xuất do tổ chức, cá nhân lựa chọn (trừ những sản phẩm đăng ký tại Bộ Y tế). Khi đã lựa chọn cơ quan quản lý nhà nước để đăng ký thì các lần đăng ký tiếp theo phải đăng ký tại cơ quan đã lựa chọn.

**Bước 2:** Trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ đăng ký, phòng chuyên môn có trách nhiệm thẩm định hồ sơ và trình Trưởng ban Ban Quản lý An toàn thực phẩm cấp Giấy tiếp nhận đăng ký bản công bố sản phẩm theo Mẫu số 03 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định này. Thời gian thẩm định hồ sơ tính từ thời điểm hồ sơ được nộp trên hệ thống dịch vụ công trực tuyến hoặc theo dấu đến của Ban Quản lý An toàn thực phẩm (trong trường hợp nộp hồ sơ qua đường bưu điện hoặc nộp hồ sơ trực tiếp tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Ban).

**Bước 3:** Trong trường hợp không đồng ý với hồ sơ công bố sản phẩm của tổ chức, cá nhân hoặc yêu cầu sửa đổi, bổ sung, Phòng chuyên môn trình Ban Quản lý An toàn thực phẩm văn bản nêu rõ lý do và căn cứ pháp lý của việc yêu cầu. Ban Quản lý An toàn thực phẩm chỉ được yêu cầu sửa đổi, bổ sung 01 lần

Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ khi nhận hồ sơ sửa đổi, bổ sung, Phòng chuyên môn thẩm định hồ sơ và trình Trưởng ban Ban Quản lý An toàn thực phẩm có văn bản trả lời. Sau 90 ngày làm việc kể từ khi có văn bản yêu cầu sửa đổi, bổ sung nếu tổ chức, cá nhân không sửa đổi, bổ sung thì hồ sơ không còn giá trị.

Trường hợp sản phẩm có sự thay đổi về tên sản phẩm, xuất xứ, thành phần cấu tạo thì tổ chức, cá nhân phải công bố lại sản phẩm. Các trường hợp có sự thay đổi khác, tổ chức, cá nhân thông báo bằng văn bản về nội dung thay đổi

đến Ban Quản lý An toàn thực phẩm và được sản xuất, kinh doanh sản phẩm ngay sau khi gửi thông báo

Phòng chuyên môn chuyên kết quả đến Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả để gửi trả Giấy tiếp nhận cho tổ chức, cá nhân

Ban Quản lý An toàn thực phẩm có trách nhiệm thông báo công khai tên, sản phẩm của tổ chức, cá nhân đã được tiếp nhận đăng ký bản công bố sản phẩm trên trang thông tin điện tử (website) và cơ sở dữ liệu về an toàn thực phẩm.

**b) Cách thức thực hiện:**

Nộp qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến hoặc qua đường bưu điện hoặc nộp trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thuộc Ban quản lý An toàn thực phẩm.

**c) Thành phần hồ sơ:**

- Bản công bố sản phẩm theo Mẫu số 02 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 15/2018/NĐ-CP ngày 02/02/2018;

- Phiếu kết quả kiểm nghiệm an toàn thực phẩm của sản phẩm trong thời hạn 12 tháng tính đến ngày nộp hồ sơ được cấp bởi phòng kiểm nghiệm được chỉ định hoặc phòng kiểm nghiệm được công nhận phù hợp ISO 17025 gồm các chỉ tiêu an toàn do Bộ Y tế ban hành theo nguyên tắc quản lý rủi ro phù hợp với quy định của quốc tế hoặc các chỉ tiêu an toàn theo các quy chuẩn, tiêu chuẩn tương ứng do tổ chức, cá nhân công bố trong trường hợp chưa có quy định của Bộ Y tế (bản chính hoặc bản sao chứng thực);

- Bảng chứng khoa học chứng minh công dụng của sản phẩm hoặc của thành phần tạo nên công dụng đã công bố (bản chính hoặc bản sao có xác nhận của tổ chức, cá nhân). Khi sử dụng bằng chứng khoa học về công dụng thành phần của sản phẩm để làm công dụng cho sản phẩm thì liều sử dụng hàng ngày của sản phẩm tối thiểu phải lớn hơn hoặc bằng 15% lượng sử dụng thành phần đó đã nêu trong tài liệu. Các tài liệu trong hồ sơ đăng ký bản công bố sản phẩm phải được thể hiện bằng tiếng Việt; trường hợp có tài liệu bằng tiếng nước ngoài thì phải được dịch sang tiếng Việt và được công chứng. Tài liệu phải còn hiệu lực tại thời điểm nộp hồ sơ đăng ký bản công bố sản phẩm;

- Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm trong trường hợp cơ sở thuộc đối tượng phải cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm theo quy định (bản sao có xác nhận của tổ chức, cá nhân).

**d) Số lượng hồ sơ:** 01 bộ

**đ) Thời hạn giải quyết:** 07 ngày làm việc

**e) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Tổ chức, cá nhân;

**g) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:** Ban Quản lý An toàn thực phẩm thành phố Đà Nẵng

**h) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Giấy tiếp nhận đăng ký bản công bố sản phẩm

**i) Phí:** 1.500.000 đồng/lần/sản phẩm

**k) Tên mẫu đơn:** Mẫu số 02 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 15/2018/NĐ-CP ngày 02/02/2018: Bản công bố sản phẩm.

**l) Yêu cầu, điều kiện thủ tục hành chính**

- Có Bản công bố sản phẩm theo quy định

- Có Phiếu kết quả kiểm nghiệm an toàn thực phẩm của sản phẩm trong thời hạn 12 tháng tính đến ngày nộp hồ sơ được cấp bởi phòng kiểm nghiệm được chỉ định hoặc phòng kiểm nghiệm được công nhận phù hợp ISO 17025 gồm các chỉ tiêu an toàn do Bộ Y tế ban hành theo nguyên tắc quản lý rủi ro phù hợp với quy định của quốc tế hoặc các chỉ tiêu an toàn theo các quy chuẩn, tiêu chuẩn tương ứng do tổ chức, cá nhân công bố trong trường hợp chưa có quy định của Bộ Y tế (bản chính hoặc bản sao chứng thực);

- Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm trong trường hợp cơ sở thuộc đối tượng phải cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm theo quy định (bản sao có xác nhận của tổ chức, cá nhân).

**m) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Luật An toàn thực phẩm số 55/2010/QH12 ngày 17/06/2010 của Quốc hội;

- Nghị định số 15/2018/NĐ-CP ngày 02/02/2018 của Thủ tướng Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật An toàn thực phẩm;

- *Thông tư số 67/2021/TT-BTC ngày 05 tháng 8 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí trong công tác an toàn vệ sinh thực phẩm;*

- Quyết định số 2318/QĐ-BYT ngày 06 tháng 04 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành/bãi bỏ lĩnh vực an toàn thực phẩm và dinh dưỡng thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Y tế;

- Quyết định số 31/2018/QĐ-UBND ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Ủy ban nhân dân Thành phố Đà Nẵng về việc ban hành Quy định phân công, phân cấp, phối hợp quản lý an toàn thực phẩm trên địa bàn Thành phố Đà Nẵng.

- *Quyết định số 10/2022/QĐ-UBND ngày 04 tháng 5 năm 2022 của Ủy ban nhân dân Thành phố Đà Nẵng sửa đổi, bổ sung một số điều của quy định phân công, phân cấp, phối hợp quản lý an toàn thực phẩm trên địa bàn Thành phố Đà Nẵng ban hành kèm theo Quyết định 31/2018/QĐ-UBND ngày 28 tháng 9 năm 2018 của UBND thành phố Đà Nẵng.*

**Mẫu số 02 Phụ lục I**

*(Ban hành kèm theo Nghị định số 15/2018/NĐ-CP ngày 02/02/2018  
của Thủ tướng Chính phủ)*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**BẢN CÔNG BỐ SẢN PHẨM**

Số:.....

**I. Thông tin về tổ chức, cá nhân công bố sản phẩm**

Tên tổ chức, cá nhân: .....

Địa chỉ: .....

Điện thoại: ..... Fax: .....

E-mail .....

Mã số doanh nghiệp: .....

Số Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP: ..... Ngày cấp/Nơi cấp:

.....

*(đối với cơ sở thuộc đối tượng phải cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm theo quy định)*

**II. Thông tin về sản phẩm**

1. Tên sản phẩm: .....

2. Thành phần: .....

3. Chỉ tiêu chất lượng chủ yếu tạo nên công dụng của sản phẩm (đối với thực phẩm bảo vệ sức khỏe):

4. Thời hạn sử dụng sản phẩm: .....

5. Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì: .....

6. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất sản phẩm: .....

**III. Mẫu nhãn sản phẩm** *(đính kèm mẫu nhãn sản phẩm hoặc mẫu nhãn sản phẩm dự kiến)*

**IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm**

Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thực phẩm đạt yêu cầu an toàn thực phẩm theo:

- Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia số....; hoặc
- Thông tư của các bộ, ngành; hoặc
- Quy chuẩn kỹ thuật địa phương; hoặc

- Tiêu chuẩn Quốc gia (trong trường hợp chưa có các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, Thông tư của các Bộ ngành, Quy chuẩn kỹ thuật địa phương); hoặc
- Tiêu chuẩn của Ủy ban tiêu chuẩn thực phẩm quốc tế (Codex), Tiêu chuẩn khu vực, Tiêu chuẩn nước ngoài (trong trường hợp chưa có quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, Thông tư của các bộ ngành, Quy chuẩn kỹ thuật địa phương, Tiêu chuẩn quốc gia); hoặc
- Tiêu chuẩn nhà sản xuất đính kèm (trong trường hợp chưa có quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, Thông tư của các bộ ngành, Quy chuẩn kỹ thuật địa phương, Tiêu chuẩn quốc gia, Tiêu chuẩn của Ủy ban tiêu chuẩn thực phẩm quốc tế (Codex), Tiêu chuẩn khu vực, Tiêu chuẩn nước ngoài).

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố và chỉ đưa sản phẩm vào sản xuất, kinh doanh khi đã được cấp Giấy tiếp nhận đăng ký bản công bố sản phẩm./.

....., ngày.... tháng.... năm.....  
**ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN**  
(Ký tên, đóng dấu)





### **3. Thủ tục đăng ký nội dung quảng cáo đối với sản phẩm dinh dưỡng y học, thực phẩm dùng cho chế độ ăn đặc biệt, sản phẩm dinh dưỡng dùng cho trẻ đến 36 tháng tuổi**

#### **a) Trình tự thực hiện**

**Bước 1:** Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thực phẩm nộp hồ sơ đăng ký bản công bố sản phẩm qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến hoặc bưu điện hoặc nộp trực tiếp tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thuộc Ban Quản lý An toàn thực phẩm vào tất cả các ngày làm việc từ thứ hai đến thứ sáu, trừ các ngày lễ theo quy định. Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả chuyển hồ sơ về phòng chuyên môn xử lý.

**Bước 2:** Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ, phòng chuyên môn có trách nhiệm thẩm định hồ sơ và trình Trưởng ban Ban Quản lý An toàn thực phẩm trả kết quả theo Mẫu số 11 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định 15/2018/NĐ-CP. Thời gian thẩm định hồ sơ tính từ thời điểm hồ sơ được nộp trên hệ thống dịch vụ công trực tuyến hoặc theo dấu đến của Ban Quản lý An toàn thực phẩm (trong trường hợp nộp hồ sơ qua đường bưu điện hoặc nộp hồ sơ trực tiếp tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Ban)

**Bước 3:** Trong trường hợp không đồng ý với nội dung quảng cáo của tổ chức, cá nhân hoặc yêu cầu sửa đổi, bổ sung, Phòng chuyên môn trình Ban Quản lý An toàn thực phẩm văn bản nêu rõ lý do và căn cứ pháp lý của việc yêu cầu. Ban Quản lý An toàn thực phẩm chỉ được yêu cầu sửa đổi, bổ sung 01 lần

Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ khi nhận hồ sơ sửa đổi, bổ sung, Phòng chuyên môn thẩm định hồ sơ và trình Trưởng ban Ban Quản lý An toàn thực phẩm có văn bản trả lời. Sau 90 ngày làm việc kể từ khi có văn bản yêu cầu sửa đổi, bổ sung nếu tổ chức, cá nhân không sửa đổi, bổ sung thì hồ sơ không còn giá trị.

Phòng chuyên môn chuyển kết quả đến Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả để gửi trả cho tổ chức, cá nhân

#### **b) Cách thức thực hiện:**

Nộp qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến hoặc qua đường bưu điện hoặc nộp trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thuộc Ban quản lý An toàn thực phẩm.

#### **c) Thành phần hồ sơ:**

- Đơn đăng ký xác nhận nội dung quảng cáo theo Mẫu số 10 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định 15/2018/NĐ-CP ngày 02/02/2018;

- Giấy tiếp nhận đăng ký bản công bố sản phẩm và Bản công bố sản phẩm đã được cơ quan có thẩm quyền xác nhận (bản sao có xác nhận của tổ chức/ cá nhân);

- Mẫu nhãn sản phẩm (bản có xác nhận của tổ chức, cá nhân);

- Đối với quảng cáo trên báo nói, báo hình thì phải có kịch bản dự kiến quảng cáo và nội dung dự kiến quảng cáo ghi trong đĩa hình, đĩa âm thanh; đối với quảng cáo trên các phương tiện khác thì phải có ma kết (mẫu nội dung) dự kiến quảng cáo (bản có xác nhận của tổ chức, cá nhân);

- Đối với nội dung quảng cáo ngoài công dụng, tính năng của sản phẩm ghi trong bản công bố sản phẩm thì phải có tài liệu khoa học chứng minh (bản sao có xác nhận của tổ chức, cá nhân);

- Các tài liệu trong hồ sơ đăng ký xác nhận nội dung quảng cáo phải được thể hiện bằng tiếng Việt; trường hợp có tài liệu bằng tiếng nước ngoài thì phải được dịch sang tiếng Việt và được công chứng.

**d) Số lượng hồ sơ:** 01 bộ

**đ) Thời hạn giải quyết:** 10 ngày

**e) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Tổ chức, cá nhân.

**g) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:** Ban Quản lý An toàn thực phẩm thành phố Đà Nẵng

**h) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Giấy xác nhận nội dung quảng cáo theo Mẫu số 11 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định 15/2018/NĐ-CP

**i) Phí:** 1.100.000 đồng/lần/sản phẩm

**k) Tên mẫu đơn:** Mẫu số 10 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định 15/2018/NĐ-CP ngày 02/02/2018: Đơn đăng ký xác nhận nội dung quảng cáo.

#### **l) Yêu cầu, điều kiện thủ tục hành chính**

Theo các quy định của pháp luật về quảng cáo:

- Phải đủ điều kiện quảng cáo quy định tại Điểm d Khoản 4 Điều 20 của Luật quảng cáo và Giấy tiếp nhận đăng ký bản công bố sản phẩm và Bản công bố sản phẩm đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp.

- Điều 27 Nghị định số 15/2018/NĐ-CP ngày 2/2/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật an toàn thực phẩm.

Việc đăng ký nội dung quảng cáo thực phẩm ngoài việc phải tuân thủ các quy định của pháp luật về quảng cáo còn phải tuân thủ các quy định sau:

1. Trước khi quảng cáo, tổ chức, cá nhân có sản phẩm quảng cáo phải đăng ký nội dung quảng cáo với cơ quan cấp Giấy tiếp nhận bản đăng ký công bố sản phẩm theo quy định hiện hành.

2. Nội dung quảng cáo phải phù hợp với công dụng, tác dụng của sản phẩm đã được công bố trong bản công bố sản phẩm. Không sử dụng hình ảnh, thiết bị, trang phục, tên, thư tín của các đơn vị, cơ sở y tế, bác sỹ, dược sỹ, nhân viên y tế, thư cảm ơn của người bệnh, bài viết của bác sỹ, dược sỹ, nhân viên y tế để quảng cáo thực phẩm.

- Nội dung quảng cáo phải theo đúng quy định tại Điều 8 Nghị định số 181/2013/NĐ-CP và Khoản 2 Điều 6 Nghị định số 100/2014/NĐ-CP ngày 06 tháng 11 năm 2014 của Chính phủ quy định về kinh doanh và sử dụng sản phẩm dinh dưỡng dùng cho trẻ nhỏ, bình bú và vú ngậm nhân tạo.

**m) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Luật An toàn thực phẩm số 55/2010/QH12 ngày 17/06/2010;
- Luật Quảng cáo số 16/2012/QH13 ngày 21/06/2012;
- Nghị định số 15/2018/NĐ-CP ngày 02/02/2018 của Thủ tướng Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật An toàn thực phẩm;
- Nghị định số 181/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quảng cáo;
- Thông tư số 09/2015/TT-BYT ngày 25 tháng 5 năm 2015 Quy định về xác nhận nội dung quảng cáo đối với sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đặc biệt thuộc lĩnh vực quản lý của Bộ Y tế;
- Nghị định số 100/2014/NĐ-CP ngày 06 tháng 11 năm 2014 của Chính phủ Quy định về kinh doanh và sử dụng sản phẩm dinh dưỡng dùng cho trẻ nhỏ, bình bú và vú ngậm nhân tạo;
- *Thông tư số 67/2021/TT-BTC ngày 05 tháng 8 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí trong công tác an toàn vệ sinh thực phẩm;*
- Quyết định số 2318/QĐ-BYT ngày 06 tháng 04 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành/bãi bỏ lĩnh vực an toàn thực phẩm và dinh dưỡng thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Y tế;
- Quyết định số 31/2018/QĐ-UBND ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Ủy ban nhân dân Thành phố Đà Nẵng về việc ban hành Quy định phân công, phân cấp, phối hợp quản lý an toàn thực phẩm trên địa bàn Thành phố Đà Nẵng.
- *Quyết định số 10/2022/QĐ-UBND ngày 04 tháng 5 năm 2022 của Ủy ban nhân dân Thành phố Đà Nẵng sửa đổi, bổ sung một số điều của quy định phân công, phân cấp, phối hợp quản lý an toàn thực phẩm trên địa bàn Thành phố Đà Nẵng ban hành kèm theo Quyết định 31/2018/QĐ-UBND ngày 28 tháng 9 năm 2018 của UBND thành phố Đà Nẵng.*

**Mẫu số 10 Phụ lục I**

(Ban hành kèm theo Nghị định số 15/2018/NĐ-CP ngày 02/02/2018  
của Thủ tướng Chính phủ)

**TÊN ĐƠN VỊ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /Ký hiệu tên đơn vị .....<sup>1</sup> ....., ngày..... tháng.... năm 20....

**ĐƠN ĐĂNG KÝ****Xác nhận nội dung quảng cáo**

Kính gửi: Ban Quản lý An toàn thực phẩm thành phố Đà Nẵng

1. Tên đơn vị đăng ký xác nhận: .....

2. Địa chỉ trụ sở:<sup>1</sup> .....

Điện thoại: ..... Fax: .....

Đề nghị đăng ký xác nhận nội dung quảng cáo đối với:

STT	Tên sản phẩm	Số, ký hiệu của Giấy tiếp nhận đăng ký bản công sản phẩm	Ngày tiếp nhận đăng ký bản công bố

Phương tiện quảng cáo: .....

Hồ sơ bao gồm các giấy tờ, tài liệu: .....

Tôi xin cam đoan các thông tin và hồ sơ nêu trên là đúng sự thật và cam kết thực hiện quảng cáo sản phẩm thực phẩm theo đúng nội dung khi đã được xác nhận.

Kính đề nghị Quý cơ quan xem xét và cấp giấy xác nhận nội dung quảng cáo./.

**Giám đốc hoặc đại diện hợp pháp**  
**của đơn vị**

*Ký tên (Ghi họ tên đầy đủ, chức danh)*

*Đóng dấu*

<sup>1</sup> Ghi theo địa chỉ trên giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh

**Mẫu số 11 Phụ lục I**

*(Ban hành kèm theo Nghị định số 15/2018/NĐ-CP ngày 02/02/2018  
của Thủ tướng Chính phủ)*

UBND THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG      **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**BAN QUẢN LÝ**      **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  
**AN TOÀN THỰC PHẨM**

Số:...../XNQC-BQLATTP      ....., ngày.... tháng.... năm.....

**GIẤY XÁC NHẬN NỘI DUNG QUẢNG CÁO**

Tên tổ chức, cá nhân: .....

Địa chỉ: .....

Điện thoại: .....Fax: .....

STT	Tên sản phẩm	Số, ký hiệu của Giấy tiếp nhận đăng ký bản công bố

Phương tiện quảng cáo:.....

**Có nội dung quảng cáo (đính kèm)** đã được duyệt phù hợp với quy định hiện hành.

Yêu cầu tổ chức, cá nhân có trách nhiệm quảng cáo đúng nội dung đã được xác nhận.

**TRƯỞNG BAN**

*(Ký ghi rõ họ tên và đóng dấu)*

#### **4. Cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất thực phẩm, kinh doanh dịch vụ ăn uống**

##### **a) Trình tự thực hiện:**

**Bước 1:** Tổ chức, cá nhân sản xuất thực phẩm, kinh doanh dịch vụ ăn uống nộp hồ sơ đề nghị cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến hoặc bưu điện hoặc nộp trực tiếp tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thuộc Ban Quản lý An toàn thực phẩm vào tất cả các ngày làm việc từ thứ hai đến thứ sáu, trừ các ngày lễ theo quy định.

**Bước 2:** Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả nhận đủ hồ sơ, chuyển Phòng chuyên môn

Trong thời hạn 05 làm việc ngày kể từ khi nhận đủ hồ sơ, Phòng chuyên môn kiểm tra hồ sơ. Trường hợp có yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ, Ban Quản lý An toàn thực phẩm có thông báo bằng văn bản gửi cơ sở bổ sung, hoàn chỉnh hồ sơ.

Trường hợp quá 30 ngày kể từ khi nhận được thông báo, cơ sở không bổ sung, hoàn chỉnh hồ sơ theo yêu cầu thì hồ sơ của cơ sở không còn giá trị. Tổ chức, cá nhân phải nộp hồ sơ mới để được cấp Giấy chứng nhận nếu có nhu cầu.

##### **Bước 3:** Phòng chuyên môn thẩm định cơ sở

Trường hợp hồ sơ đạt yêu cầu, trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, phòng chuyên môn thành lập đoàn thẩm định và lập Biên bản thẩm định theo quy định;

Trường hợp kết quả thẩm định đạt yêu cầu, trong thời gian 05 ngày làm việc kể từ ngày có kết quả thẩm định, Ban Quản lý An toàn thực phẩm cấp Giấy chứng nhận theo Mẫu số 03 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 155/2018/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ;

Trường hợp kết quả thẩm định tại cơ sở chưa đạt yêu cầu và có thể khắc phục, đoàn thẩm định phải ghi rõ nội dung, yêu cầu và thời gian khắc phục vào Biên bản thẩm định với thời hạn khắc phục không quá 30 ngày;

Sau khi có báo cáo kết quả khắc phục của cơ sở, Đoàn thẩm định đánh giá kết quả khắc phục và ghi kết luận vào biên bản thẩm định. Trường hợp kết quả khắc phục đạt yêu cầu sẽ được cấp Giấy chứng nhận theo quy định. Trường hợp kết quả khắc phục không đạt yêu cầu thì Ban Quản lý An toàn thực phẩm thông báo kết quả thẩm định cơ sở không đạt yêu cầu bằng văn bản cho cơ sở và cho cơ quan quản lý địa phương;

Phòng chuyên môn trả kết quả đến Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả để gửi trả Giấy chứng nhận cho tổ chức, cá nhân;

Trường hợp thay đổi tên của doanh nghiệp hoặc/và đổi chủ cơ sở, thay đổi địa chỉ nhưng không thay đổi vị trí và quy trình sản xuất thực phẩm, kinh doanh dịch vụ ăn uống và Giấy chứng nhận phải còn thời hạn thì cơ sở gửi thông báo thay đổi thông tin trên Giấy chứng nhận và kèm bản sao văn bản hợp

pháp thể hiện sự thay đổi đó đến Ban Quản lý An toàn thực phẩm qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến hoặc qua đường bưu điện hoặc tại cơ quan tiếp nhận hồ sơ.

**b) Cách thức thực hiện:** Nộp qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến hoặc qua đường bưu điện hoặc nộp trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thuộc Ban quản lý An toàn thực phẩm.

**c) Thành phần hồ sơ:**

- Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận Mẫu số 1 Phụ lục I kèm theo Nghị định số 155/2018/NĐ-CP ngày 12/11/2018;

- *Bản sao (có xác nhận của cơ sở) Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp có ngành nghề phù hợp với loại thực phẩm của cơ sở sản xuất (Doanh nghiệp cần tra cứu thông tin doanh nghiệp trước khi nộp hồ sơ tại địa chỉ: <https://dangkykinhdoanh.gov.vn/>; nếu thông tin đã được cập nhật trên hệ thống đăng ký kinh doanh thì không cần phải nộp thành phần hồ sơ này);*

- Bản thuyết minh về cơ sở vật chất, trang thiết bị dụng cụ bảo đảm điều kiện vệ sinh an toàn thực phẩm.

- Giấy xác nhận đủ sức khỏe của chủ cơ sở và người trực tiếp sản xuất, kinh doanh thực phẩm do cơ sở y tế tuyến huyện trở lên cấp.

- Danh sách người sản xuất thực phẩm, kinh doanh dịch vụ ăn uống đã được tập huấn kiến thức an toàn thực phẩm có xác nhận của chủ cơ sở.

**d) Số lượng hồ sơ:** 01 bộ

**đ) Thời hạn giải quyết:** 18 ngày

**e) Đối tượng thực hiện:** Tổ chức, cá nhân

**g) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:** Ban Quản lý An toàn thực phẩm thành phố Đà Nẵng.

**h) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Giấy Chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm Mẫu số 03 Phụ lục 1 ban hành kèm theo Nghị định số 155/2018/NĐ-CP hoặc văn bản thông báo kết quả thẩm định không đạt cho cơ sở và cơ quan quản lý địa phương.

**i) Phí:**

- Đối với cơ sở sản xuất nhỏ lẻ được cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm: 500.000 đồng/lần/cơ sở

- Đối với cơ sở sản xuất khác được giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm: 2.500.000 đồng/lần/cơ sở

- Đối với cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống Phục vụ dưới 200 suất ăn: 700.000 đồng /lần/cơ sở

- Đối với cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống Phục vụ từ 200 suất ăn trở lên: 1.000.000 đồng /lần/cơ sở



**k) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận theo Mẫu số 01 Phụ lục 1 ban hành kèm theo Nghị định 155/2018/NĐ-CP ngày 12/11/2018.

**l) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:**

**- Cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm thuộc thẩm quyền quản lý của Bộ Y tế**

+ Tuân thủ các quy định tại Điều 19, 20, 21, 22, 25, 26 và Điều 27 Luật an toàn thực phẩm và các yêu cầu cụ thể sau: Quy trình sản xuất thực phẩm được bố trí theo nguyên tắc một chiều từ nguyên liệu đầu vào cho đến sản phẩm cuối cùng; Tường, trần, nền nhà khu vực sản xuất, kinh doanh, kho sản phẩm không thấm nước, rạn nứt, ẩm mốc; Trang thiết bị, dụng cụ tiếp xúc trực tiếp với thực phẩm dễ làm vệ sinh, không thôi nhiễm chất độc hại và không gây ô nhiễm đối với thực phẩm; Có ủng hoặc giày, dép để sử dụng riêng trong khu vực sản xuất thực phẩm; Bảo đảm không có côn trùng và động vật gây hại xâm nhập vào khu vực sản xuất và kho chứa thực phẩm, nguyên liệu thực phẩm; không sử dụng hoá chất diệt chuột, côn trùng và động vật gây hại trong khu vực sản xuất và kho chứa thực phẩm, nguyên liệu thực phẩm; Không bày bán hoá chất dùng cho mục đích khác trong cơ sở kinh doanh phụ gia, chất hỗ trợ chế biến thực phẩm.

+ Người trực tiếp sản xuất, kinh doanh phải được tập huấn kiến thức an toàn thực phẩm và được chủ cơ sở xác nhận và không bị mắc các bệnh tả, lỵ, thương hàn, viêm gan A, E, viêm da nhiễm trùng, lao phổi, tiêu chảy cấp khi đang sản xuất, kinh doanh thực phẩm.

**- Cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống**

+ Tuân thủ các quy định tại Điều 28, 29 và Điều 30 Luật An toàn thực phẩm và các yêu cầu cụ thể sau: Thực hiện kiểm thực ba bước và lưu mẫu thức ăn theo hướng dẫn của Bộ Y tế; Thiết bị, phương tiện vận chuyển, bảo quản thực phẩm phải bảo đảm vệ sinh và không gây ô nhiễm cho thực phẩm; Người trực tiếp chế biến thức ăn phải được tập huấn kiến thức an toàn thực phẩm và được chủ cơ sở xác nhận và không bị mắc các bệnh tả, lỵ, thương hàn, viêm gan A, E, viêm da nhiễm trùng, lao phổi, tiêu chảy cấp khi đang sản xuất, kinh doanh thực phẩm.

**- Cơ sở sản xuất, kinh doanh phụ gia thực phẩm**

+ Đáp ứng các quy định chung về điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm được quy định tại khoản 1 Điều 19, khoản 1 Điều 20, khoản 1 Điều 21 Luật an toàn thực phẩm.

+ Chỉ được phối trộn các phụ gia thực phẩm khi các phụ gia thực phẩm đó thuộc danh mục các chất phụ gia được phép sử dụng trong thực phẩm do Bộ Y tế quy định và sản phẩm cuối cùng của sự phối trộn không gây ra bất cứ tác hại nào với sức khỏe con người; trường hợp tạo ra một sản phẩm mới, có công dụng mới phải chứng minh công dụng, đối tượng sử dụng và mức sử dụng tối đa.

+ Việc sang chia, san, chiết phụ gia thực phẩm phải được thực hiện tại cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm và ghi nhãn theo quy định hiện hành.

+ Chỉ được san chia, san chiết, nạp, đóng gói lại phụ gia thực phẩm trong trường hợp đã được tổ chức, cá nhân sản xuất hoặc chịu trách nhiệm về sản phẩm đồng ý bằng văn bản (Thông tư 24 quy định về quản lý và sử dụng phụ gia thực phẩm).

**m) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Luật An toàn thực phẩm số 55/2010/QH12 ngày 17/06/2010 của Quốc hội;

- Nghị định số 15/2018/NĐ-CP ngày 02/02/2018 của Thủ tướng Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật An toàn thực phẩm;

- Nghị định số 155/2018/NĐ-CP ngày 12/11/2018 của Thủ tướng Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số quy định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Y tế;

- Quyết định số 135/QĐ-BYT ngày 20 tháng 01 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc sửa đổi, bổ sung thủ tục hành chính mới ban hành trong lĩnh vực an toàn thực phẩm và dinh dưỡng thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Y tế;

- *Thông tư số 67/2021/TT-BTC ngày 05 tháng 8 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí trong công tác an toàn vệ sinh thực phẩm;*

- Quyết định 31/2018/QĐ-UBND ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Ủy ban nhân dân Thành phố Đà Nẵng về việc ban hành Quy định phân công, phân cấp, phối hợp quản lý an toàn thực phẩm trên địa bàn Thành phố Đà Nẵng;

- Quyết định số 10/2022/QĐ-UBND ngày 04 tháng 5 năm 2022 của Ủy ban nhân dân Thành phố Đà Nẵng sửa đổi, bổ sung một số điều của quy định phân công, phân cấp, phối hợp quản lý an toàn thực phẩm trên địa bàn Thành phố Đà Nẵng ban hành kèm theo Quyết định 31/2018/QĐ-UBND ngày 28 tháng 9 năm 2018 của UBND thành phố Đà Nẵng.

**Mẫu số 01**

*(Ban hành kèm theo Nghị định số 155/2018/NĐ-CP của Thủ tướng Chính phủ ngày 12/11/2018 sửa đổi, bổ sung một số quy định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Y tế)*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Đà Nẵng, ngày      tháng      năm 20

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ****Cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm**

Kính gửi : .....

Họ và tên chủ cơ sở: .....

Tên cơ sở sản xuất đề nghị cấp Giấy chứng nhận: .....

.....

Địa chỉ cơ sở sản xuất:.....

.....

Điện thoại:.....Fax:.....

Đề nghị được cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm cho sản xuất (loại thực phẩm và dạng thực phẩm...):.....

.....

**CHỦ CƠ SỞ**

*(ký tên & ghi rõ họ tên)*

**Mẫu số 03**

*(Ban hành kèm theo Nghị định số 155/2018/NĐ-CP ngày 12/11/2018  
của Thủ tướng Chính phủ)*

UBND THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG  
**BAN QUẢN LÝ**  
**AN TOÀN THỰC PHẨM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: .../20.../ATTP-CNĐK

**GIẤY CHỨNG NHẬN CƠ SỞ ĐỦ ĐIỀU KIỆN AN TOÀN THỰC PHẨM**

Chủ cơ sở:

Tên cơ sở:

Địa chỉ:

**ĐỦ ĐIỀU KIỆN AN TOÀN THỰC PHẨM THEO QUY ĐỊNH**

(1) .....

**GIẤY CHỨNG NHẬN NÀY CÓ GIÁ TRỊ 3 NĂM KỂ TỪ NGÀY KÝ**

....., ngày... tháng... năm...

**TRƯỞNG BAN**

*(Ký tên, đóng dấu)*

(1) Ghi rõ tên nhóm, dạng thực phẩm được sản xuất hoặc kinh doanh dịch vụ ăn uống

## **5. Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm ngành Công Thương**

### **a) Trình tự thực hiện:**

**Bước 1:** Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thực phẩm nộp hồ sơ qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến hoặc bưu điện hoặc nộp trực tiếp tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của Ban Quản lý An toàn thực phẩm vào tất cả các ngày làm việc từ thứ hai đến thứ sáu, trừ các ngày lễ theo quy định.

**Bước 2:** Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả nhận đủ hồ sơ, chuyển phòng chuyên môn (Phòng Nghiệp vụ)

Trong thời hạn 05 làm việc ngày kể từ khi nhận đủ hồ sơ, chuyển phòng chuyên môn kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ. Trường hợp hồ sơ không hợp lệ, phòng chuyên môn có văn bản thông báo và yêu cầu cơ sở bổ sung, hoàn chỉnh hồ sơ.

Sau 30 ngày kể từ ngày thông báo yêu cầu bổ sung hồ sơ mà cơ sở không bổ sung bổ sung không đầy đủ thì hồ sơ không còn giá trị.

### **Bước 3:** Thẩm định thực tế tại cơ sở

Trong thời gian 15 ngày làm việc, kể từ ngày có kết quả kiểm tra hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, phòng chuyên môn tổ chức thẩm định thực tế tại cơ sở. Trường hợp Ban Quản lý an toàn thực phẩm ủy quyền thẩm định thực tế tại cơ sở cho UBND quận/huyện thì phải có văn bản ủy quyền. Sau khi thẩm định, UBND quận/huyện phải gửi Biên bản thẩm định về cho Ban Quản lý an toàn thực phẩm để làm căn cứ cấp Giấy chứng nhận.

Đoàn thẩm định thực tế tại cơ sở do Ban Quản lý an toàn thực phẩm hoặc UBND quận/huyện được ủy quyền thẩm định ban hành quyết định thành lập. Đoàn thẩm định có từ 03 đến 05 thành viên, trong đó phải có ít nhất 02 thành viên làm công tác chuyên môn về thực phẩm hoặc an toàn thực phẩm (có bằng cấp về thực phẩm hoặc an toàn thực phẩm) hoặc quản lý về an toàn thực phẩm. Đoàn thẩm định thực tế tại cơ sở được mời chuyên gia độc lập có chuyên môn phù hợp tham gia. Trưởng đoàn thẩm định chịu trách nhiệm về kết quả thẩm định thực tế tại cơ sở.

+ Nội dung thẩm định thực tế tại cơ sở

Kiểm tra tính thống nhất của hồ sơ đăng ký cấp Giấy chứng nhận gửi Ban Quản lý an toàn thực phẩm với hồ sơ gốc lưu tại cơ sở; Thẩm định điều kiện an toàn thực phẩm tại cơ sở theo quy định.

+ Kết quả thẩm định thực tế tại cơ sở

Kết quả thẩm định phải ghi rõ “Đạt” hoặc “Không đạt” hoặc “Chờ hoàn thiện” vào Biên bản thẩm định điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất thực phẩm, cơ sở kinh doanh thực phẩm hoặc cơ sở vừa sản xuất vừa kinh doanh thực phẩm.

Trường hợp “Không đạt” hoặc “Chờ hoàn thiện” phải ghi rõ lý do trong Biên bản thẩm định. Trường hợp “Chờ hoàn thiện”, thời hạn khắc phục tối đa là 60 ngày kể từ ngày có biên bản thẩm định. Sau khi đã khắc phục theo yêu cầu của Đoàn thẩm định, cơ sở phải nộp báo cáo kết quả khắc phục và nộp phí thẩm định về cơ quan có thẩm quyền để tổ chức thẩm định lại. Thời hạn thẩm định lại tối đa là 10 ngày làm việc tính từ khi cơ quan có thẩm quyền nhận được báo cáo khắc phục. Sau 60 ngày cơ sở không nộp báo cáo kết quả khắc phục thì hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm và kết quả thẩm định trước đó với kết luận “Chờ hoàn thiện” không còn giá trị.

Trường hợp kết quả thẩm định lại “Không đạt” hoặc quá thời hạn khắc phục mà cơ sở không nộp báo cáo kết quả khắc phục, Ban Quản lý An toàn thực phẩm thông báo bằng văn bản tới cơ quan quản lý địa phương để giám sát và yêu cầu cơ sở không được hoạt động cho đến khi được cấp Giấy chứng nhận.

Biên bản thẩm định thực tế tại cơ sở được lập thành 02 bản có giá trị như nhau, Đoàn thẩm định giữ 01 bản và cơ sở giữ 01 bản.

#### **Bước 4: Cấp Giấy chứng nhận**

Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày có kết quả thẩm định thực tế tại cơ sở là “Đạt” thì cấp Giấy chứng nhận cho cơ sở.

Phòng chuyên môn trả kết quả đến Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả để gửi trả Giấy chứng nhận cho tổ chức, cá nhân.

**b) Cách thức thực hiện:** Nộp qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến hoặc qua đường bưu điện hoặc nộp trực tiếp tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả thuộc Văn phòng Ban Quản lý An toàn thực phẩm.

#### **c) Thành phần hồ sơ:**

- Đơn đề nghị theo Mẫu số 01a Mục I tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020;

- *Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đầu tư theo quy định của pháp luật (Doanh nghiệp cần tra cứu thông tin doanh nghiệp trước khi nộp hồ sơ tại địa chỉ: <https://dangkykinhdoanh.gov.vn/>; nếu thông tin đã được cập nhật trên hệ thống đăng ký kinh doanh thì không cần phải nộp thành phần hồ sơ này);*

- Bản thuyết minh về cơ sở vật chất, trang thiết bị, dụng cụ bảo đảm điều kiện vệ sinh an toàn thực phẩm theo Mẫu số 02a (đối với cơ sở sản xuất), đối với cơ sở kinh doanh (Mẫu số 02b) hoặc cả Mẫu số 02a và Mẫu số 02b (đối với cơ sở vừa sản xuất vừa kinh doanh) Mục I tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 ;

- Danh sách tổng hợp đủ sức khỏe do chủ cơ sở xác nhận hoặc bản sao giấy xác nhận đủ sức khỏe của chủ cơ sở và người trực tiếp sản xuất thực phẩm do cơ sở y tế cấp huyện trở lên cấp;

- Giấy xác nhận đã được tập huấn kiến thức về an toàn thực phẩm của người trực tiếp sản xuất thực phẩm có xác nhận của chủ cơ sở theo Mẫu 01 hoặc 02 tại Phụ lục I Thông tư 13/2020/TT-BCT ngày 18/06/2020.

**d) Số lượng hồ sơ:** 01 bộ.

**đ) Thời hạn giải quyết:** 20 ngày làm việc

**e) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Tổ chức, cá nhân

**g) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:** Ban Quản lý An toàn thực phẩm

**h) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm theo Mẫu 05a, 05b, 05c ban hành kèm theo Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020.

**i) Phí:**

- Đối với cơ sở sản xuất: 2.500.000 đồng/lần/cơ sở

- Đối với cơ sở kinh doanh thực phẩm: 1.000.000 đồng/lần/cơ sở

**k) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:**

- Đơn đề nghị theo Mẫu số 01a Mục I tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 02 năm 2020 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương;

- Bản thuyết minh về cơ sở vật chất, trang thiết bị, dụng cụ bảo đảm điều kiện vệ sinh an toàn thực phẩm theo Mẫu số 02a (đối với cơ sở sản xuất), Mẫu số 02b (đối với cơ sở kinh doanh) hoặc cả Mẫu số 02a và Mẫu số 02b (đối với cơ sở vừa sản xuất vừa kinh doanh) Mục I tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 02 năm 2020 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương;

- Báo cáo kết quả khắc phục theo Mẫu số 04 Mục I tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 02 năm 2020 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương.

- Giấy xác nhận đã được tập huấn kiến thức về an toàn thực phẩm của người trực tiếp sản xuất thực phẩm có xác nhận của chủ cơ sở theo Mẫu 01 và 02 tại Phụ lục I Thông tư 13/2020/TT-BCT ngày 18/06/2020.

**l) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:**

Có đủ điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm phù hợp với từng loại hình sản xuất, kinh doanh thực phẩm theo quy định tại Mục 2, 3, 4, 5, 6 và 7 Chương VI của Nghị định 77/2016/NĐ-CP và được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định 17/2020/NĐ-CP.

- Cơ sở sản xuất các sản phẩm thực phẩm có công suất thiết kế:

- + Rượu: nhỏ hơn 03 triệu lít sản phẩm/năm;
- + Bia: nhỏ hơn 50 triệu lít sản phẩm/năm;
- + Nước giải khát: nhỏ hơn 20 triệu lít sản phẩm/năm;
- + Sữa chế biến: nhỏ hơn 20 triệu lít sản phẩm/năm;
- + Dầu thực vật: nhỏ hơn 50 ngàn tấn sản phẩm/năm;
- + Bánh kẹo: nhỏ hơn 20 ngàn tấn sản phẩm/năm;
- Bột và tinh bột: nhỏ hơn 100 ngàn tấn sản phẩm/năm.

- Cơ sở bán buôn, bán lẻ thực phẩm (bao gồm cả thực phẩm tổng hợp) của thương nhân trên địa bàn 01 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; chuỗi siêu thị mini và chuỗi cửa hàng tiện lợi có diện tích tương đương siêu thị mini theo quy định của pháp luật;

- Cơ sở vừa sản xuất vừa kinh doanh tại cùng một địa điểm có công suất thiết kế theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 6 Thông tư 43/2018/TT-BCT;

- Cơ sở sản xuất, kinh doanh nhiều loại sản phẩm thuộc quy định tại khoản 8 và khoản 10 Điều 36 Nghị định 15/2018/NĐ-CP ngày 02 tháng 02 năm 2018 của Chính phủ có quy mô sản xuất sản phẩm thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ Công Thương theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 6 Thông tư 43/2018/TT-BCT.

**m) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Luật An toàn thực phẩm năm 2010;

- Nghị định số 77/2016/NĐ-CP ngày 01/07/2016 của Thủ tướng Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số quy định về điều kiện đầu tư kinh doanh trong lĩnh vực mua bán hàng hóa quốc tế, hóa chất, vật liệu nổ công nghiệp, phân bón, kinh doanh khí, kinh doanh thực phẩm thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công thương.

- Nghị định số 15/2018/NĐ-CP ngày 02/02/2018 của Thủ tướng Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật An toàn thực phẩm;

- Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 02 năm 2020 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương;

- Thông tư số 43/2018/TT-BCT ngày 15 tháng 11 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về quản lý an toàn thực phẩm thuộc trách nhiệm của Bộ Công Thương;

- Thông tư 13/2020/TT-BCT ngày 18 tháng 06 năm 2020 của Bộ Công thương Sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định về điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công thương.

- *Thông tư số 67/2021/TT-BTC ngày 05 tháng 8 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí trong công tác an toàn vệ sinh thực phẩm;*



- Quyết định số 688A/QĐ-BCT ngày 28 tháng 02 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Công Thương về việc công bố thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung/bãi bỏ thuộc chức năng quản lý nhà nước của Bộ Công Thương;

- Quyết định số 31/2018/QĐ-UBND ngày 28/9/2018 của Ủy ban nhân dân Thành phố Đà Nẵng về việc ban hành Quy định phân công, phân cấp, phối hợp quản lý an toàn thực phẩm trên địa bàn Thành phố Đà Nẵng;

- Quyết định số 10/2022/QĐ-UBND ngày 04 tháng 5 năm 2022 của Ủy ban nhân dân Thành phố Đà Nẵng sửa đổi, bổ sung một số điều của quy định phân công, phân cấp, phối hợp quản lý an toàn thực phẩm trên địa bàn Thành phố Đà Nẵng ban hành kèm theo Quyết định 31/2018/QĐ-UBND ngày 28 tháng 9 năm 2018 của UBND thành phố Đà Nẵng.

**Mẫu số 01a**

(Ban hành kèm theo Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020  
của Thủ tướng Chính phủ)

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày .... tháng .... năm 20..

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ****Cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm**

Kính gửi: Ban Quản lý An toàn thực phẩm thành phố Đà Nẵng

Cơ sở sản xuất, kinh doanh (tên giao dịch hợp pháp): .....

Địa điểm tại: .....

Điện thoại: ..... Fax: .....

Ngành nghề sản xuất, kinh doanh (tên sản phẩm): .....

Nay nộp hồ sơ xin cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm cho:

- Cơ sở sản xuất
- Cơ sở kinh doanh<sup>1,2</sup>
- Cơ sở vừa sản xuất vừa kinh doanh
- Chuỗi cơ sở kinh doanh thực phẩm

(tên cơ sở) .....

Chúng tôi cam kết bảo đảm an toàn thực phẩm cho cơ sở trên và chịu hoàn toàn trách nhiệm về những vi phạm theo quy định của pháp luật.

Trân trọng cảm ơn./.

**Hồ sơ gửi kèm gồm:**

-  
-  
-

**ĐẠI DIỆN CƠ SỞ**

(Ký tên, đóng dấu)

(1) : Đối với Chuỗi kinh doanh thực phẩm kèm theo danh sách cơ sở kinh doanh thuộc chuỗi

(2) : Danh sách nhóm sản phẩm

**DANH SÁCH CÁC CƠ SỞ KINH DOANH THUỘC CHUỖI***(Kèm theo mẫu đơn đề nghị đối với chuỗi cơ sở kinh doanh thực phẩm)*

STT	Tên cơ sở thuộc chuỗi	Địa chỉ	Thời hạn GCN	Ghi chú
1				
2				
3				

**DANH SÁCH NHÓM SẢN PHẨM***(Kèm theo mẫu đơn đề nghị đối với chuỗi cơ sở kinh doanh thực phẩm và cơ sở kinh doanh thực phẩm tổng hợp)*

STT	Tên nhóm sản phẩm	Nhóm sản phẩm kinh doanh đề nghị cấp Giấy chứng nhận
<b>I</b>	<b>Các nhóm thuộc phạm vi quản lý của Bộ Y tế</b>	
1	Nước uống đóng chai	
2	Nước khoáng thiên nhiên	
3	Thực phẩm chức năng	
4	Các vi chất bổ sung vào thực phẩm và thực phẩm tăng cường vi chất dinh dưỡng	
5	Phụ gia thực phẩm	
6	Hương liệu thực phẩm	
7	Chất hỗ trợ chế biến thực phẩm	
8	Đá thực phẩm (Nước đá dùng liền và nước đá dùng để chế biến thực phẩm)	
9	Các sản phẩm khác không được quy định tại danh mục của Bộ Công Thương và Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	
<b>II</b>	<b>Các nhóm thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn</b>	
1	Ngũ cốc	
2	Thịt và các sản phẩm từ thịt	
3	Thủy sản và sản phẩm thủy sản (bao gồm các loài lưỡng cư)	

4	Rau, củ, quả và sản phẩm rau, củ, quả	
5	Trứng và các sản phẩm từ trứng	
6	Sữa tươi nguyên liệu	
7	Mật ong và các sản phẩm từ mật ong	
8	Thực phẩm biến đổi gen	
9	Muối	
10	Gia vị	
11	Đường	
12	Chè	
13	Cà phê	
14	Ca cao	
15	Hạt tiêu	
16	Điều	
17	Nông sản thực phẩm khác	
18	Nước đá sử dụng để bảo quản, chế biến sản phẩm thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	
<b>III</b>	<b>Các nhóm thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương</b>	
1	Bia	
2	Rượu, Cồn và đồ uống có cồn	
3	Nước giải khát	
4	Sữa chế biến	
5	Dầu thực vật	
6	Bột, tinh bột	
7	Bánh, mứt, kẹo	

**Mẫu số 02a**

(Ban hành kèm theo Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020  
của Chính phủ)

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**BẢN THUYẾT MINH**

**Về cơ sở vật chất, trang thiết bị, dụng cụ bảo đảm điều kiện vệ sinh an toàn  
thực phẩm (đối với cơ sở sản xuất)**

**I. THÔNG TIN CHUNG**

- Đại diện cơ sở: .....
- Địa chỉ văn phòng: .....
- Địa chỉ cơ sở sản xuất: .....
- Địa chỉ kho (nếu địa chỉ khác): .....
- Điện thoại:..... Fax .....
- Mặt hàng sản xuất: .....
- Công suất thiết kế: .....
- Tổng số công nhân viên: .....
- Tổng số công nhân viên trực tiếp sản xuất: .....
- Tổng số công nhân viên đã được xác nhận kiến thức/tập huấn kiến thức về an toàn thực phẩm: .....
- Tổng số công nhân viên đã khám sức khỏe định kỳ theo quy định: .....

**II. THỰC TRẠNG CƠ SỞ VẬT CHẤT, TRANG THIẾT BỊ, DỤNG CỤ****1. Cơ sở vật chất**

- Diện tích mặt bằng sản xuất ..... m<sup>2</sup>
- Sơ đồ bố trí mặt bằng sản xuất: .....
- Kết cấu nhà xưởng: .....
- Nguồn nước phục vụ sản xuất đạt TCCL: .....
- Hệ thống vệ sinh nhà xưởng: .....

**2. Trang thiết bị, dụng cụ sản xuất**

TT	Tên trang, thiết bị	Số lượng	Thực trạng hoạt động của trang thiết bị, dụng cụ			Ghi chú
			Tốt	Trung bình	Kém	
I	Trang thiết bị, dụng cụ hiện có					

1	Trang thiết bị, dụng cụ sản xuất					
2	Dụng cụ bao gói sản phẩm					
3	Trang thiết bị vận chuyển sản phẩm					
4	Thiết bị bảo quản thực phẩm					
5	Thiết bị khử trùng, thanh trùng					
6	Thiết bị vệ sinh cơ sở, dụng cụ					
7	Thiết bị giám sát					
8	Phương tiện rửa và khử trùng tay					
9	Dụng cụ lưu mẫu và bảo quản mẫu					
10	Phương tiện, thiết bị phòng chống côn trùng, động vật gây hại					
11	Trang phục vệ sinh khi tiếp xúc trực tiếp với nguyên liệu, thực phẩm					
<b>II Trang thiết bị, dụng cụ dự kiến bổ sung</b>						
1						
2						
3						

### III. ĐÁNH GIÁ CHUNG

Điều kiện cơ sở vật chất, trang thiết bị hiện có của cơ sở đã đáp ứng yêu cầu an toàn thực phẩm để sản xuất thực phẩm theo quy định chưa?

Trường hợp chưa đáp ứng yêu cầu an toàn thực phẩm theo quy định, cơ sở cam kết sẽ bổ sung và hoàn thiện những trang thiết bị (đã nêu tại mục II của Bảng kê trên); ghi cụ thể thời gian hoàn thiện.

#### **Cam kết của cơ sở:**

1. Cam đoan các thông tin nêu trong bản thuyết minh là đúng sự thật và chịu trách nhiệm hoàn toàn về những thông tin đã đăng ký.
2. Cam kết: Chấp hành nghiêm các quy định về an toàn thực phẩm theo quy định./.

*Địa danh, ngày....tháng....năm 20....*

**ĐẠI DIỆN CƠ SỞ**  
(Ký tên, đóng dấu)

**Mẫu số 02b**

(Ban hành kèm theo Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020  
của Chính phủ)

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**BẢN THUYẾT MINH**

**Về cơ sở vật chất, trang thiết bị, dụng cụ bảo đảm điều kiện vệ sinh an toàn  
thực phẩm (đối với cơ sở kinh doanh)**

**I. THÔNG TIN CHUNG**

- Đại diện cơ sở: .....
- Địa chỉ văn phòng: .....
- Địa chỉ cơ sở kinh doanh: .....
- Điện thoại:..... Fax .....
- Loại thực phẩm kinh doanh:.....
- Tổng số công nhân viên: .....
- Tổng số công nhân viên trực tiếp kinh doanh: .....
- Tổng số công nhân viên đã được xác nhận kiến thức/tập huấn kiến thức về an toàn thực phẩm: .....
- Tổng số công nhân viên đã khám sức khỏe định kỳ theo quy định: .....
- Tiêu chuẩn cơ sở về bảo đảm an toàn thực phẩm (đối với chuỗi kinh doanh thực phẩm): .....

**II. THỰC TRẠNG CƠ SỞ VẬT CHẤT, TRANG THIẾT BỊ, DỤNG CỤ****1. Cơ sở vật chất**

- Diện tích mặt bằng kinh doanh..... m<sup>2</sup>
- Sơ đồ bố trí mặt bằng kinh doanh: .....
- Nguồn nước phục vụ kinh doanh đạt TCCL: .....
- Hệ thống vệ sinh và vệ sinh cá nhân: .....

**2. Trang thiết bị, dụng cụ kinh doanh**

TT	Tên trang, thiết bị	Số lượng	Thực trạng hoạt động của trang thiết bị			Ghi chú
			Tốt	Trung bình	Kém	
<b>I</b>	<b>Trang, thiết bị, dụng cụ kinh doanh hiện có</b>					
1	Trang thiết bị, dụng cụ bảo quản sản					

	phẩm					
2	Thiết bị, dụng cụ trung bày sản phẩm					
3	Trang thiết bị, dụng cụ vận chuyển sản phẩm					
4	Dụng cụ rửa và sát trùng tay					
5	Thiết bị vệ sinh cơ sở, dụng cụ					
6	Trang bị bảo hộ					
7	Dụng cụ, phương tiện phòng chống côn trùng, động vật gây hại					
8	Dụng cụ, thiết bị giám sát					
<b>II Trang, thiết bị dự kiến bổ sung</b>						
1						
2						
3						

### III. ĐÁNH GIÁ CHUNG

Điều kiện cơ sở vật chất, trang thiết bị hiện có của cơ sở đã đáp ứng yêu cầu an toàn thực phẩm để kinh doanh thực phẩm theo quy định chưa?

Trường hợp chưa đáp ứng yêu cầu an toàn thực phẩm theo quy định, cơ sở cam kết sẽ bổ sung và hoàn thiện những trang thiết bị (đã nêu tại mục II của Bảng kê trên); ghi cụ thể thời gian hoàn thiện.

#### Cam kết của cơ sở:

1. Cam đoan các thông tin nêu trong bản thuyết minh là đúng sự thật và chịu trách nhiệm hoàn toàn về những thông tin đã đăng ký.

2. Cam kết: Chấp hành nghiêm các quy định về an toàn thực phẩm theo quy định./.

*Địa danh, ngày....tháng....năm 20...*

**ĐẠI DIỆN CƠ SỞ**

*(Ký tên, đóng dấu)*



**Mẫu số 04**

(Ban hành kèm theo Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020  
của Thủ tướng Chính phủ)

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Địa danh, ngày ... tháng ... năm 20

**BÁO CÁO KẾT QUẢ KHẮC PHỤC**

Kính gửi: .....

**I. THÔNG TIN CHUNG**

1. Tên cơ sở: .....
2. Địa chỉ cơ sở: .....
3. Số điện thoại:..... Fax:.....  
Email:.....

**II. TÓM TẮT KẾT QUẢ KHẮC PHỤC**

TT	Lỗi theo kết luận kiểm tra ngày... tháng... năm .... của .....	Nguyên nhân sai lỗi	Biện pháp khắc phục	Kết quả
1				
2				
3				

Đề nghị cơ quan kiểm tra tiến hành kiểm tra và làm thủ tục để cơ sở chúng tôi được cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm./.

**ĐẠI DIỆN CƠ SỞ**  
(Ký tên, đóng dấu)

**Mẫu 01. Giấy xác nhận tập huấn kiến thức về an toàn thực phẩm**  
*(Ban hành kèm theo Thông tư số 13/2020/TT-BCT ngày 18 tháng 6 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Công Thương)*

**TÊN ĐƠN VỊ XÁC NHẬN      CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**GIẤY XÁC NHẬN TẬP HUẤN KIẾN THỨC**  
**VỀ AN TOÀN THỰC PHẨM**

Số:                    /20.../XNTH-ký hiệu viết tắt của đơn vị xác nhận

Căn cứ Thông tư số .../TT-BCT .....

...(tên đơn vị xác nhận)... xác nhận các ông/bà thuộc tổ chức:

Tên đơn vị xác nhận: .....

Địa chỉ: .....

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh, cấp ngày..... nơi cấp: .....

Điện thoại: ..... Fax: .....

Xác nhận các ông/bà (có tên trong danh sách kèm theo) đã được tập huấn kiến thức về an toàn thực phẩm theo quy định hiện hành.

Giấy này có giá trị trong thời hạn 3 năm kể từ ngày cấp.

....., ngày.....tháng .... năm ....

**CHỦ CƠ SỞ XÁC NHẬN**

*(ký tên/ đóng dấu)*

**Mẫu 02.**

**Giấy xác nhận tập huấn kiến thức về an toàn thực phẩm (Đối với tập thể)**  
(Ban hành kèm theo Thông tư số 13/2020/TT-BCT ngày 18 tháng 6 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Công Thương)

**TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT,      CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**KINH DOANH                                  Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

-----

**GIẤY XÁC NHẬN TẬP HUẤN KIẾN THỨC VỀ AN TOÀN THỰC PHẨM**

Số:                                  /20.../XNTHKTATTP

Căn cứ Thông tư số .../TT-BCT ngày ... tháng ... năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định về điều kiện đầu tư kinh doanh trong một số lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công Thương;

Căn cứ kết quả kiểm tra kiến thức về an toàn thực phẩm theo quy định tại Quyết định Số.../QĐ-BCT ngày...tháng...năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Công Thương về việc....

Tên Cơ sở sản xuất, kinh doanh: .....

Địa chỉ: .....

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy chứng nhận đầu tư (nếu có) số: ..... cấp ngày: ..... nơi cấp: .....

Điện thoại: ..... Fax: .....

Xác nhận các ông/bà có tên theo danh sách kèm theo đã được tập huấn kiến thức về an toàn thực phẩm và đã đạt kết quả kiểm tra kiến thức về an toàn thực phẩm tại buổi kiểm tra ngày... tháng... năm ..... theo quy định hiện hành.

Giấy này có giá trị trong thời hạn 3 năm kể từ ngày cấp.

....., ngày.....tháng .... năm....

**CHỦ CƠ SỞ XÁC NHẬN**

(ký tên/đóng dấu)



**Mẫu số 05a**

*(Ban hành kèm theo Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 của Chính phủ)*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

-----

**GIẤY CHỨNG NHẬN  
CƠ SỞ ĐỦ ĐIỀU KIỆN AN TOÀN THỰC PHẨM**

**BAN QUẢN LÝ AN TOÀN THỰC PHẨM  
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG  
CHỨNG NHẬN**

**CƠ SỞ:** .....

**LOẠI HÌNH SẢN XUẤT<sup>(1)</sup>:** .....

**CHỦ CƠ SỞ:** .....

**ĐỊA CHỈ SẢN XUẤT:** .....

**DIỆN THOẠI:** ..... **Fax:** .....

**ĐỦ ĐIỀU KIỆN AN TOÀN THỰC PHẨM THEO QUY ĐỊNH**

Số cấp...../GCNATTP- ATTP      Đà Nẵng, ngày.....tháng.....năm....  
Giấy chứng nhận có hiệu lực đến      **TRƯỞNG BAN**  
ngày.....tháng.....năm .....      *(Ký tên, đóng dấu)*

(1): Ghi cụ thể tên nhóm sản phẩm thực phẩm sản xuất

**Mẫu 05b**

*(Ban hành kèm theo Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 của Chính phủ)*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

-----

**GIẤY CHỨNG NHẬN**  
**CƠ SỞ ĐỦ ĐIỀU KIỆN AN TOÀN THỰC PHẨM**

**BAN QUẢN LÝ AN TOÀN THỰC PHẨM**  
**THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**  
**CHỨNG NHẬN**

**CƠ SỞ:** .....  
**LOẠI HÌNH KINH DOANH<sup>(1)</sup>:** .....  
**CHỦ CƠ SỞ:** .....  
**ĐỊA CHỈ KINH DOANH:** .....  
**DIỆN THOẠI:** ..... **Fax:** .....

**ĐỦ ĐIỀU KIỆN AN TOÀN THỰC PHẨM THEO QUY ĐỊNH**

(Đối với các cơ sở kinh doanh thuộc chuỗi<sup>(2)</sup> và nhóm sản phẩm<sup>(3)</sup> trong danh mục kèm theo)

Số cấp...../GCNATTP- ATTP  
 Giấy chứng nhận có hiệu lực đến  
 ngày.....tháng.....năm .....

*Đà Nẵng, ngày.....tháng.....năm....*  
**TRƯỞNG BAN**  
*(Ký tên, đóng dấu)*

(1): Ghi cụ thể tên nhóm sản phẩm thực phẩm kinh doanh

(2): Ghi cụ thể danh sách các cơ sở kinh doanh thuộc chuỗi đánh giá “Đạt” theo Biên bản thẩm định kinh doanh tại Mẫu 03b.

(3): Ghi cụ thể các nhóm sản phẩm đánh giá “Đạt” theo Biên bản thẩm định kinh doanh

**Mẫu số 05c**

(Ban hành kèm theo Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020  
của Chính phủ)

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

-----

**GIẤY CHỨNG NHẬN**  
**CƠ SỞ ĐỦ ĐIỀU KIỆN AN TOÀN THỰC PHẨM**

**BAN QUẢN LÝ AN TOÀN THỰC PHẨM**  
**THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**  
**CHỨNG NHẬN**

**CƠ SỞ:** .....

**LOẠI HÌNH SẢN XUẤT, KINH DOANH<sup>(1)</sup>:** .....

**CHỦ CƠ SỞ:** .....

**ĐỊA CHỈ SẢN XUẤT, KINH DOANH:** .....

**ĐIỆN THOẠI:** ..... **Fax:** .....

**ĐỦ ĐIỀU KIỆN AN TOÀN THỰC PHẨM THEO QUY ĐỊNH**

(Các nhóm sản phẩm kinh doanh trong danh mục<sup>(2)</sup> kèm theo)

Số cấp...../GCNATTP- ATTP  
Giấy chứng nhận có hiệu lực đến  
ngày.....tháng.....năm .....

Đà Nẵng, ngày.....tháng.....năm....

**TRƯỞNG BAN**  
(Ký tên, đóng dấu)

(1): Ghi cụ thể tên thực phẩm sản xuất, nhóm sản phẩm thực phẩm kinh doanh

(2): Ghi cụ thể các nhóm sản phẩm đánh giá “Đạt theo Biên bản thẩm định kinh doanh tại Mẫu 03b

## **6. Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm ngành Công Thương**

**Bước 1:** Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thực phẩm nộp hồ sơ qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến hoặc bưu điện hoặc nộp trực tiếp tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thuộc Ban Quản lý An toàn thực phẩm vào tất cả các ngày làm việc từ thứ hai đến thứ sáu, trừ các ngày lễ theo quy định.

**Bước 2:** Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả nhận đủ hồ sơ, chuyển phòng chuyên môn (Phòng Nghiệp vụ)

### ***- Trường hợp cấp lại do Giấy chứng nhận bị mất hoặc bị hỏng***

Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được Đơn đề nghị hợp lệ, căn cứ hồ sơ lưu, Ban Quản lý An toàn thực phẩm xem xét và cấp lại. Trường hợp từ chối cấp lại, phải thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do.

***- Trường hợp cấp lại do cơ sở thay đổi địa điểm sản xuất, kinh doanh; thay đổi, bổ sung quy trình sản xuất, mặt hàng kinh doanh và khi Giấy chứng nhận hết hiệu lực***

Trình tự, thủ tục cấp Giấy chứng nhận thực hiện theo quy định tại thủ tục cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm thuộc ngành Công Thương quản lý.

***- Trường hợp cơ sở thay đổi tên cơ sở nhưng không thay đổi chủ cơ sở, địa chỉ, địa điểm và toàn bộ quy trình sản xuất, mặt hàng kinh doanh.***

Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị cấp lại hợp lệ, căn cứ hồ sơ lưu, Ban Quản lý An toàn thực phẩm xem xét và cấp lại. Trường hợp từ chối cấp lại, phải thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do.

***- Trường hợp cơ sở thay đổi chủ cơ sở nhưng không thay đổi tên cơ sở, địa chỉ, địa điểm và toàn bộ quy trình sản xuất, mặt hàng kinh doanh.***

Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị cấp lại hợp lệ, căn cứ hồ sơ lưu, phòng chuyên môn xem xét và cấp lại. Trường hợp từ chối cấp lại, phải thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do.

**b) Cách thức thực hiện:** Nộp qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến hoặc qua đường bưu điện hoặc nộp trực tiếp tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả thuộc Văn phòng Ban quản lý An toàn thực phẩm.

### **c) Thành phần hồ sơ:**

***- Trường hợp đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận do bị mất hoặc bị hỏng:***  
+ Đơn đề nghị cấp lại.

***- Trường hợp đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận do cơ sở thay đổi địa điểm sản xuất, kinh doanh; thay đổi, bổ sung quy trình sản xuất, mặt hàng kinh doanh hoặc khi Giấy chứng nhận hết hiệu lực***

+ Đơn đề nghị cấp lại theo Mẫu số 01b Mục I tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 02 năm 2020;

+ Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đầu tư theo quy định của pháp



luật (Doanh nghiệp cần tra cứu thông tin doanh nghiệp trước khi nộp hồ sơ tại địa chỉ: <https://dangkykinhdoanh.gov.vn/>; nếu thông tin đã được cập nhật trên hệ thống đăng ký kinh doanh thì không cần phải nộp thành phần hồ sơ này);

+ Bản thuyết minh về cơ sở vật chất, trang thiết bị, dụng cụ bảo đảm điều kiện vệ sinh an toàn thực phẩm theo Mẫu số 02a (đối với cơ sở sản xuất), đối với cơ sở kinh doanh (Mẫu số 02b) hoặc cả Mẫu số 02a và Mẫu số 02b (đối với cơ sở vừa sản xuất vừa kinh doanh) Mục I tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 ;

+ Danh sách tổng hợp đủ sức khỏe do chủ cơ sở xác nhận hoặc bản sao giấy xác nhận đủ sức khỏe của chủ cơ sở và người trực tiếp sản xuất thực phẩm do cơ sở y tế cấp huyện trở lên cấp;

+ Giấy xác nhận đã được tập huấn kiến thức về an toàn thực phẩm của người trực tiếp sản xuất thực phẩm có xác nhận của chủ cơ sở theo Mẫu 01 và 02 tại Phụ lục I Thông tư 13/2020/TT-BCT ngày 18/06/2020.

**- Trường hợp đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận do thay đổi tên cơ sở nhưng không thay đổi chủ cơ sở, địa chỉ, địa điểm và toàn bộ quy trình sản xuất, mặt hàng kinh doanh**

+ Đơn đề nghị cấp lại theo Mẫu số 01b Mục I tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 02 năm 2020;

+ Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đã được cấp (bản sao có xác nhận của cơ sở);

+ Tài liệu chứng minh sự thay đổi tên cơ sở.

**- Trường hợp đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận do thay đổi chủ cơ sở nhưng không thay đổi tên cơ sở, địa chỉ, địa điểm và toàn bộ quy trình sản xuất, mặt hàng kinh doanh**

+ Đơn đề nghị cấp lại theo Mẫu số 01b Mục I tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 02 năm 2020;

+ Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đã được cấp (bản sao có xác nhận của cơ sở);

+ Danh sách tổng hợp đủ sức khỏe do chủ cơ sở xác nhận hoặc giấy xác nhận đủ sức khỏe của chủ cơ sở và người trực tiếp sản xuất thực phẩm do cơ sở y tế cấp huyện trở lên cấp (bản sao có xác nhận của cơ sở).

**d) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.**

**đ) Thời hạn giải quyết:**

- Trường hợp cấp lại do Giấy chứng nhận bị mất và bị hỏng

Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được Đơn đề nghị hợp lệ.

- Trường hợp đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận do cơ sở thay đổi địa điểm sản xuất, kinh doanh; thay đổi, bổ sung quy trình sản xuất hoặc khi Giấy chứng nhận hết hiệu lực

Trong vòng 05 ngày làm việc kể từ khi có kết quả thẩm định thực tế tại cơ sở là “Đạt”.

- Trường hợp cơ sở thay đổi tên cơ sở nhưng không thay đổi chủ cơ sở, địa chỉ, địa điểm và toàn bộ quy trình sản xuất; mặt hàng kinh doanh

Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị cấp lại hợp lệ.

- Trường hợp cơ sở thay đổi chủ cơ sở nhưng không thay đổi tên cơ sở, địa chỉ, địa điểm và toàn bộ quy trình sản xuất, mặt hàng kinh doanh

Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị cấp lại hợp lệ.

**e) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Tổ chức, cá nhân

**g) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:** Ban Quản lý An toàn thực phẩm

**h) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm

**i) Phí:**

- Trường hợp cấp lại do Giấy chứng nhận bị mất hoặc bị hỏng: không có

- Trường hợp đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận do cơ sở thay đổi địa điểm sản xuất; thay đổi, bổ sung quy trình sản xuất, mặt hàng kinh doanh hoặc khi Giấy chứng nhận hết hiệu lực

+ Đối với cơ sở sản xuất: 2.500.000 đồng/lần/cơ sở

+ Đối với cơ sở kinh doanh thực phẩm: 1.000.000 đồng/lần/cơ sở

- Trường hợp cơ sở thay đổi tên cơ sở nhưng không thay đổi chủ cơ sở, địa chỉ, địa điểm và toàn bộ quy trình sản xuất: không có

- Trường hợp cơ sở thay đổi chủ cơ sở nhưng không thay đổi tên cơ sở, địa chỉ, địa điểm và toàn bộ quy trình sản xuất: không có

**k) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:**

- Đơn đề nghị theo Mẫu số 01b Mục I tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 02 năm 2020 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương;

- Bản thuyết minh về cơ sở vật chất, trang thiết bị, dụng cụ bảo đảm điều kiện vệ sinh an toàn thực phẩm theo Mẫu số 02a (đối với cơ sở sản xuất), Mẫu số 02b (đối với cơ sở kinh doanh) hoặc cả Mẫu số 02a và Mẫu số 02b (đối với cơ sở vừa sản xuất vừa kinh doanh) Mục I tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 02 năm 2020 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương;

- Báo cáo kết quả khắc phục theo Mẫu số 04 Mục I tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 02 năm 2020 sửa đổi, bổ

sung một số điều của các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương.

- Giấy xác nhận đã được tập huấn kiến thức về an toàn thực phẩm của người trực tiếp sản xuất thực phẩm có xác nhận của chủ cơ sở theo Mẫu 01 hoặc Mẫu 02 tại Phụ lục I Thông tư 13/2020/TT-BCT ngày 18/06/2020.

**l) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:**

Có đủ điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm phù hợp với từng loại hình sản xuất, kinh doanh thực phẩm theo quy định tại Mục 2, 3, 4, 5, 6 và 7 Chương VI của Nghị định 77/2016/NĐ-CP và được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 17/2020/NĐ-CP.

- Cơ sở sản xuất các sản phẩm thực phẩm có công suất thiết kế:

+ Rượu: nhỏ hơn 03 triệu lít sản phẩm/năm;

+ Bia: nhỏ hơn 50 triệu lít sản phẩm/năm;

+ Nước giải khát: nhỏ hơn 20 triệu lít sản phẩm/năm;

+ Sữa chế biến: nhỏ hơn 20 triệu lít sản phẩm/năm;

+ Dầu thực vật: nhỏ hơn 50 ngàn tấn sản phẩm/năm;

+ Bánh kẹo: nhỏ hơn 20 ngàn tấn sản phẩm/năm;

- Bột và tinh bột: nhỏ hơn 100 ngàn tấn sản phẩm/năm.

- Cơ sở bán buôn, bán lẻ thực phẩm (bao gồm cả thực phẩm tổng hợp) của thương nhân trên địa bàn 01 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; chuỗi siêu thị mini và chuỗi cửa hàng tiện lợi có diện tích tương đương siêu thị mini theo quy định của pháp luật;

- Cơ sở vừa sản xuất vừa kinh doanh tại cùng một địa điểm có công suất thiết kế theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 6 Thông tư 43/2018/TT-BCT;

- Cơ sở sản xuất, kinh doanh nhiều loại sản phẩm thuộc quy định tại khoản 8 và khoản 10 Điều 36 Nghị định 15/2018/NĐ-CP ngày 02 tháng 02 năm 2018 của Chính phủ có quy mô sản xuất sản phẩm thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ Công Thương theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 6 Thông tư 43/2018/TT-BCT.

**m) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Luật An toàn thực phẩm năm 2010;

- Nghị định số 77/2016/NĐ-CP ngày 01/07/2016 của Thủ tướng Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số quy định về điều kiện đầu tư kinh doanh trong lĩnh vực mua bán hàng hóa quốc tế, hóa chất, vật liệu nổ công nghiệp, phân bón, kinh doanh khí, kinh doanh thực phẩm thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công Thương.

- Nghị định số 15/2018/NĐ-CP ngày 02/02/2018 của Thủ tướng Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật An toàn thực phẩm;

- Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 02 năm 2020 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương;

- Thông tư số 43/2018/TT-BCT ngày 15 tháng 11 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về quản lý an toàn thực phẩm thuộc trách nhiệm của Bộ Công Thương;

- *Thông tư 13/2020/TT-BCT ngày 18 tháng 06 năm 2020 của Bộ Công thương Sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định về điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công thương.*

- *Thông tư số 67/2021/TT-BTC ngày 05 tháng 8 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí trong công tác an toàn vệ sinh thực phẩm;*

- *Quyết định số 688A/QĐ-BCT ngày 28 tháng 02 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Công Thương về việc công bố thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung/bãi bỏ thuộc chức năng quản lý nhà nước của Bộ Công Thương;*

- Quyết định số 31/2018/QĐ-UBND ngày 28/9/2018 của Ủy ban nhân dân Thành phố Đà Nẵng về việc ban hành Quy định phân công, phân cấp, phối hợp quản lý an toàn thực phẩm trên địa bàn Thành phố Đà Nẵng;

- Quyết định số 10/2022/QĐ-UBND ngày 04 tháng 5 năm 2022 của Ủy ban nhân dân Thành phố Đà Nẵng sửa đổi, bổ sung một số điều của quy định phân công, phân cấp, phối hợp quản lý an toàn thực phẩm trên địa bàn Thành phố Đà Nẵng ban hành kèm theo Quyết định 31/2018/QĐ-UBND ngày 28 tháng 9 năm 2018 của UBND thành phố Đà Nẵng.

**Mẫu số 01b**

*(Ban hành kèm theo Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020  
của Chính phủ)*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày ...tháng ... năm 20 ...

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ****Cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm**

Kính gửi: Ban Quản lý An toàn thực phẩm

Tên cơ sở ..... đề nghị quý cơ quan cấp lại  
Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm, cụ thể như sau:

Giấy chứng nhận cũ đã được cấp số ..... ngày cấp  
.....

Lý do xin cấp lại Giấy chứng nhận (ghi cụ thể trường hợp xin cấp lại theo  
quy định tại các khoản 2 Điều 12 của Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày  
05/02/2020):.....

.....

Đề nghị Quý cơ quan xem xét chấp thuận./.

**ĐẠI DIỆN CƠ SỞ**

*(Ký tên, đóng dấu)*

**Mẫu số 02a**

(Ban hành kèm theo Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020  
của Chính phủ)

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**BẢN THUYẾT MINH**

**Về cơ sở vật chất, trang thiết bị, dụng cụ bảo đảm điều kiện vệ sinh an toàn  
thực phẩm (đối với cơ sở sản xuất)**

**I. THÔNG TIN CHUNG**

- Đại diện cơ sở: .....
- Địa chỉ văn phòng: .....
- Địa chỉ cơ sở sản xuất: .....
- Địa chỉ kho (nếu địa chỉ khác): .....
- Điện thoại:.....Fax .....
- Mặt hàng sản xuất: .....
- Công suất thiết kế: .....
- Tổng số công nhân viên: .....
- Tổng số công nhân viên trực tiếp sản xuất: .....
- Tổng số công nhân viên đã được xác nhận kiến thức/tập huấn kiến thức về an toàn thực phẩm: .....
- Tổng số công nhân viên đã khám sức khỏe định kỳ theo quy định: .....

**II. THỰC TRẠNG CƠ SỞ VẬT CHẤT, TRANG THIẾT BỊ, DỤNG CỤ****1. Cơ sở vật chất**

- Diện tích mặt bằng sản xuất ..... m<sup>2</sup>
- Sơ đồ bố trí mặt bằng sản xuất: .....
- Kết cấu nhà xưởng: .....
- Nguồn nước phục vụ sản xuất đạt TCCL: .....
- Hệ thống vệ sinh nhà xưởng: .....

**2. Trang thiết bị, dụng cụ sản xuất**

TT	Tên trang, thiết bị	Số lượng	Thực trạng hoạt động của trang thiết bị, dụng cụ			Ghi chú
			Tốt	Trung bình	Kém	
I	Trang thiết bị, dụng cụ hiện có					

1	Trang thiết bị, dụng cụ sản xuất					
2	Dụng cụ bao gói sản phẩm					
3	Trang thiết bị vận chuyển sản phẩm					
4	Thiết bị bảo quản thực phẩm					
5	Thiết bị khử trùng, thanh trùng					
6	Thiết bị vệ sinh cơ sở, dụng cụ					
7	Thiết bị giám sát					
8	Phương tiện rửa và khử trùng tay					
9	Dụng cụ lưu mẫu và bảo quản mẫu					
10	Phương tiện, thiết bị phòng chống côn trùng, động vật gây hại					
11	Trang phục vệ sinh khi tiếp xúc trực tiếp với nguyên liệu, thực phẩm					
<b>II Trang thiết bị, dụng cụ dự kiến bổ sung</b>						
1						
2						
3						

### III. ĐÁNH GIÁ CHUNG

Điều kiện cơ sở vật chất, trang thiết bị hiện có của cơ sở đã đáp ứng yêu cầu an toàn thực phẩm để sản xuất thực phẩm theo quy định chưa?

Trường hợp chưa đáp ứng yêu cầu an toàn thực phẩm theo quy định, cơ sở cam kết sẽ bổ sung và hoàn thiện những trang thiết bị (đã nêu tại mục II của Bảng kê trên); ghi cụ thể thời gian hoàn thiện.

#### **Cam kết của cơ sở:**

1. Cam đoan các thông tin nêu trong bản thuyết minh là đúng sự thật và chịu trách nhiệm hoàn toàn về những thông tin đã đăng ký.
2. Cam kết: Chấp hành nghiêm các quy định về an toàn thực phẩm theo quy định./.

*Địa danh, ngày....tháng....năm 20....*

**ĐẠI DIỆN CƠ SỞ**

*(Ký tên, đóng dấu)*

**Mẫu số 02b**

(Ban hành kèm theo Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020  
của Chính phủ)

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**BẢN THUYẾT MINH**

**Về cơ sở vật chất, trang thiết bị, dụng cụ bảo đảm điều kiện vệ sinh an toàn  
thực phẩm (đối với cơ sở kinh doanh)**

**I. THÔNG TIN CHUNG**

- Đại diện cơ sở: .....
- Địa chỉ văn phòng: .....
- Địa chỉ cơ sở kinh doanh: .....
- Điện thoại:..... Fax .....
- Loại thực phẩm kinh doanh:.....
- Tổng số công nhân viên: .....
- Tổng số công nhân viên trực tiếp kinh doanh: .....
- Tổng số công nhân viên đã được xác nhận kiến thức/tập huấn kiến thức về an toàn thực phẩm: .....
- Tổng số công nhân viên đã khám sức khỏe định kỳ theo quy định: .....
- Tiêu chuẩn cơ sở về bảo đảm an toàn thực phẩm (đối với chuỗi kinh doanh thực phẩm): .....

**II. THỰC TRẠNG CƠ SỞ VẬT CHẤT, TRANG THIẾT BỊ, DỤNG CỤ****1. Cơ sở vật chất**

- Diện tích mặt bằng kinh doanh..... m<sup>2</sup>
- Sơ đồ bố trí mặt bằng kinh doanh: .....
- Nguồn nước phục vụ kinh doanh đạt TCCL: .....
- Hệ thống vệ sinh và vệ sinh cá nhân: .....

**2. Trang thiết bị, dụng cụ kinh doanh**

TT	Tên trang, thiết bị	Số lượng	Thực trạng hoạt động của trang thiết bị			Ghi chú
			Tốt	Trung bình	Kém	
<b>I</b>	<b>Trang, thiết bị, dụng cụ kinh doanh hiện có</b>					
I	Trang thiết bị, dụng cụ bảo quản sản					



	phẩm					
2	Thiết bị, dụng cụ trung bày sản phẩm					
3	Trang thiết bị, dụng cụ vận chuyên sản phẩm					
4	Dụng cụ rửa và sát trùng tay					
5	Thiết bị vệ sinh cơ sở, dụng cụ					
6	Trang bị bảo hộ					
7	Dụng cụ, phương tiện phòng chống côn trùng, động vật gây hại					
8	Dụng cụ, thiết bị giám sát					
<b>II Trang, thiết bị dự kiến bổ sung</b>						
1						
2						
3						

### III. ĐÁNH GIÁ CHUNG

Điều kiện cơ sở vật chất, trang thiết bị hiện có của cơ sở đã đáp ứng yêu cầu an toàn thực phẩm để kinh doanh thực phẩm theo quy định chưa?

Trường hợp chưa đáp ứng yêu cầu an toàn thực phẩm theo quy định, cơ sở cam kết sẽ bổ sung và hoàn thiện những trang thiết bị (đã nêu tại mục II của Bảng kê trên); ghi cụ thể thời gian hoàn thiện.

#### **Cam kết của cơ sở:**

1. Cam đoan các thông tin nêu trong bản thuyết minh là đúng sự thật và chịu trách nhiệm hoàn toàn về những thông tin đã đăng ký.

2. Cam kết: Chấp hành nghiêm các quy định về an toàn thực phẩm theo quy định./.

*Địa danh, ngày....tháng....năm 20...*

**ĐẠI DIỆN CƠ SỞ**

*(Ký tên, đóng dấu)*

**Mẫu số 04**

(Ban hành kèm theo Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020  
của Thủ tướng Chính phủ)

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Địa danh, ngày ... tháng ... năm 20

**BÁO CÁO KẾT QUẢ KHẮC PHỤC**

Kính gửi: .....

**I. THÔNG TIN CHUNG**

1. Tên cơ sở: .....
2. Địa chỉ cơ sở: .....
3. Số điện thoại:..... Fax:.....  
Email:.....

**II. TÓM TẮT KẾT QUẢ KHẮC PHỤC**

TT	Lỗi theo kết luận kiểm tra ngày... tháng... năm ... của .....	Nguyên nhân sai lỗi	Biện pháp khắc phục	Kết quả
1				
2				
3				

Đề nghị cơ quan kiểm tra tiến hành kiểm tra và làm thủ tục để cơ sở chúng tôi được cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm./.

**ĐẠI DIỆN CƠ SỞ**  
(Ký tên, đóng dấu)

**Mẫu 01. Giấy xác nhận tập huấn kiến thức về an toàn thực phẩm**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 13/2020/TT-BCT ngày 18 tháng 6 năm 2020  
của Bộ trưởng Bộ Công Thương)*

**TÊN ĐƠN VỊ XÁC NHẬN    CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**GIẤY XÁC NHẬN TẬP HUẤN KIẾN THỨC**  
**VỀ AN TOÀN THỰC PHẨM**

Số:                    /20.../XNTH-ký hiệu viết tắt của đơn vị xác nhận

Căn cứ Thông tư số .../TT-BCT .....

...(tên đơn vị xác nhận)... xác nhận các ông/bà thuộc tổ chức:

Tên đơn vị xác nhận: .....

Địa chỉ: .....

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh, cấp ngày..... nơi cấp: .....

Điện thoại: ..... Fax: .....

Xác nhận các ông/bà (có tên trong danh sách kèm theo) đã được tập huấn kiến thức về an toàn thực phẩm theo quy định hiện hành.

Giấy này có giá trị trong thời hạn 3 năm kể từ ngày cấp.

....., ngày.....tháng .... năm ....

**CHỦ CƠ SỞ XÁC NHẬN**

*(ký tên/ đóng dấu)*





**Mẫu số 05a**

*(Ban hành kèm theo Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 của  
Chính phủ)*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

-----

**GIẤY CHỨNG NHẬN  
CƠ SỞ ĐỦ ĐIỀU KIỆN AN TOÀN THỰC PHẨM**

**BAN QUẢN LÝ AN TOÀN THỰC PHẨM  
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG  
CHỨNG NHẬN**

**CƠ SỞ:** .....  
**LOẠI HÌNH SẢN XUẤT<sup>(1)</sup>:** .....  
**CHỦ CƠ SỞ:** .....  
**ĐỊA CHỈ SẢN XUẤT:** .....  
**ĐIỆN THOẠI:** ..... **Fax:** .....

**ĐỦ ĐIỀU KIỆN AN TOÀN THỰC PHẨM THEO QUY ĐỊNH**

Số cấp...../GCNATTP- ATTP  
 Giấy chứng nhận có hiệu lực đến  
 ngày.....tháng.....năm .....

*Đà Nẵng, ngày.....tháng.....năm....*

**TRƯỞNG BAN**  
*(Ký tên, đóng dấu)*

(1): Ghi cụ thể tên nhóm sản phẩm thực phẩm sản xuất

**Mẫu 05b**

*(Ban hành kèm theo Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 của Chính phủ)*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

-----

**GIẤY CHỨNG NHẬN  
CƠ SỞ ĐỦ ĐIỀU KIỆN AN TOÀN THỰC PHẨM**

**BAN QUẢN LÝ AN TOÀN THỰC PHẨM  
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG  
CHỨNG NHẬN**

**CƠ SỞ:** .....  
**LOẠI HÌNH KINH DOANH<sup>(1)</sup>:** .....  
**CHỦ CƠ SỞ:** .....  
**ĐỊA CHỈ KINH DOANH:** .....  
**ĐIỆN THOẠI:** ..... **Fax:** .....

**ĐỦ ĐIỀU KIỆN AN TOÀN THỰC PHẨM THEO QUY ĐỊNH**

(Đối với các cơ sở kinh doanh thuộc chuỗi<sup>(2)</sup> và nhóm sản phẩm<sup>(3)</sup> trong danh mục kèm theo)

Số cấp...../GCNATTP- ATTP      Đà Nẵng, ngày.....tháng.....năm....  
 Giấy chứng nhận có hiệu lực đến  
 ngày.....tháng.....năm .....  
**TRƯỞNG BAN**  
*(Ký tên, đóng dấu)*

(1): Ghi cụ thể tên nhóm sản phẩm thực phẩm kinh doanh

(2): Ghi cụ thể danh sách các cơ sở kinh doanh thuộc chuỗi đánh giá “Đạt” theo Biên bản thẩm định kinh doanh tại Mẫu 03b.

(3): Ghi cụ thể các nhóm sản phẩm đánh giá “Đạt” theo Biên bản thẩm định kinh doanh

**Mẫu số 05c**

*(Ban hành kèm theo Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 của Chính phủ)*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

-----

**GIẤY CHỨNG NHẬN  
CƠ SỞ ĐỦ ĐIỀU KIỆN AN TOÀN THỰC PHẨM**

**BAN QUẢN LÝ AN TOÀN THỰC PHẨM  
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG  
CHỨNG NHẬN**

**CƠ SỞ:** .....  
**LOẠI HÌNH SẢN XUẤT, KINH DOANH<sup>(1)</sup>:** .....  
**CHỦ CƠ SỞ:** .....  
**ĐỊA CHỈ SẢN XUẤT, KINH DOANH:** .....  
**ĐIỆN THOẠI:** ..... **Fax:** .....

**ĐỦ ĐIỀU KIỆN AN TOÀN THỰC PHẨM THEO QUY ĐỊNH**

(Các nhóm sản phẩm kinh doanh trong danh mục<sup>(2)</sup> kèm theo)

Số cấp...../GCNATTP- ATTP  
Giấy chứng nhận có hiệu lực đến  
ngày.....tháng.....năm .....

*Đà Nẵng, ngày.....tháng.....năm....*

**TRƯỞNG BAN**  
*(Ký tên, đóng dấu)*

(1): Ghi cụ thể tên thực phẩm sản xuất, nhóm sản phẩm thực phẩm kinh doanh

(2): Ghi cụ thể các nhóm sản phẩm đánh giá “Đạt theo Biên bản thẩm định kinh doanh tại Mẫu 03b



## **7. Thủ tục cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông, lâm, thủy sản**

### **a) Trình tự thực hiện:**

**Bước 1:** Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông, lâm, thủy sản nộp hồ sơ qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến hoặc bưu điện hoặc nộp trực tiếp tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả Ban Quản lý An toàn thực phẩm vào tất cả các ngày làm việc từ thứ hai đến thứ sáu, trừ các ngày lễ theo quy định.

**Bước 2:** Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả nhận đủ hồ sơ, chuyển Phòng chuyên môn

Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, phòng chuyên môn tổ chức kiểm tra thực tế điều kiện đảm bảo an toàn thực phẩm tại cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm; nếu đủ điều kiện thì phải cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm. Trường hợp từ chối phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

Phòng chuyên môn trả kết quả đến Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả để gửi trả kết quả cho tổ chức, cá nhân.

**b) Cách thức thực hiện:** Nộp qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến hoặc qua đường bưu điện hoặc nộp trực tiếp tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả Ban Quản lý An toàn thực phẩm

### **c) Thành phần hồ sơ:**

- Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm;

- Bản thuyết minh về cơ sở vật chất, trang thiết bị, dụng cụ bảo đảm điều kiện vệ sinh an toàn thực phẩm của cơ sở theo quy định;

**Các thành phần hồ sơ sau có thể gửi khi nộp hồ sơ hoặc cung cấp cho Đoàn thẩm định khi đến thẩm định thực tế tại cơ sở:**

- Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (Đối với doanh nghiệp cần tra cứu thông tin doanh nghiệp trước khi nộp hồ sơ tại địa chỉ: <https://dangkykinhdoanh.gov.vn/>; nếu thông tin đã được cập nhật trên hệ thống đăng ký kinh doanh thì không cần phải nộp thành phần hồ sơ này);

- Bản sao Giấy xác nhận đủ sức khỏe của chủ cơ sở và người trực tiếp sản xuất, kinh doanh thực phẩm do cơ sở y tế cấp huyện trở lên cấp (có xác nhận của cơ sở);

- Giấy xác nhận đã được tập huấn kiến thức về an toàn thực phẩm của chủ cơ sở và của người trực tiếp sản xuất, kinh doanh thực phẩm theo quy định.

**d) Số lượng hồ sơ:** 01 bộ.

**đ) Thời hạn giải quyết:** 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ

**e) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Tổ chức, cá nhân (Các cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông, lâm, thủy sản theo Quyết định phân công, phân cấp của UBND thành phố).

**g) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:** Ban Quản lý An toàn thực phẩm

**h) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** *Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm (có hiệu lực 03 năm)*

**i) Phí:**

Phí thẩm định cấp Giấy chứng nhận an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông, lâm, thủy sản: 700.000 đồng/lần/cơ sở

**k) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** *không*

**l) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:** *Cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông, lâm, thủy sản phải đáp ứng các quy định tương ứng tại Điều: 10, 11, 12, 15, 16, 17, 18, 19, 20, 21, 22, 23, 24, 25, 26, 27, 44, 54, 55 Luật An toàn thực phẩm số 55/2010/QH12 ngày 17 tháng 06 năm 2010 của Quốc hội.*

**m) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Luật An toàn thực phẩm năm 2010;
- Nghị định số 15/2018/NĐ-CP ngày 02 tháng 02 năm 2018 của Thủ tướng Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật An toàn thực phẩm;
- *Thông tư số 44/2018/TT-BTC ngày 07 tháng 05 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ tài chính về việc Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 285/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016 quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý phí, lệ phí trong công tác thú y; Thông tư 286/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định quản lý chất lượng, an toàn thực phẩm trong lĩnh vực nông nghiệp;*
- Thông tư số 38/2018/TT-BNNPTNT ngày 25 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Quy định việc thẩm định, chứng nhận cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông, lâm, thủy sản đủ điều kiện an toàn thực phẩm thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;
- *Thông tư số 32/2022/TT-BNNPTNT ngày 30 tháng 12 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Sửa đổi, bổ sung một số Thông tư quy định việc thẩm định, chứng nhận cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông, lâm, thủy sản đủ điều kiện an toàn thực phẩm thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;*
- *Quyết định số 371/QĐ-BNN-QLCL ngày 19 tháng 01 năm 2023 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.*
- Quyết định số 31/2018/QĐ-UBND ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Ủy ban nhân dân Thành phố Đà Nẵng về việc ban hành Quy định phân công, phân cấp, phối hợp quản lý an toàn thực phẩm trên địa bàn Thành phố Đà Nẵng;

- Quyết định số 10/2022/QĐ-UBND ngày 04 tháng 5 năm 2022 của Ủy ban nhân dân Thành phố Đà Nẵng sửa đổi, bổ sung một số điều của quy định phân công, phân cấp, phối hợp quản lý an toàn thực phẩm trên địa bàn Thành phố Đà Nẵng ban hành kèm theo Quyết định 31/2018/QĐ-UBND ngày 28 tháng 9 năm 2018 của UBND thành phố Đà Nẵng.

**Phụ lục IV**  
**MẪU GIẤY CHỨNG NHẬN**  
**CƠ SỞ ĐỦ ĐIỀU KIỆN AN TOÀN THỰC PHẨM**  
*(Ban hành kèm theo Thông tư số 38/2018/TT-BNNPTNT ngày 25/12/2018 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

-----  
**GIẤY CHỨNG NHẬN**  
**CƠ SỞ ĐỦ ĐIỀU KIỆN AN TOÀN THỰC PHẨM**  
**CERTIFICATE**  
**OF COMPLIANCE WITH FOOD SAFETY REGULATIONS**  
**BAN QUẢN LÝ AN TOÀN THỰC PHẨM THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**  
**CHỨNG NHẬN / CERTIFICATION**

Cơ sở/ *Establishment:*

Mã số/ *Approval number:*

Địa chỉ/ *Address:*

Điện thoại/ *Tel:*

Fax:

**Đủ điều kiện an toàn thực phẩm để sản xuất, kinh doanh sản phẩm:**

*Has been found to be in compliance with food safety regulations for following products:*

- 1.
- 2.
- 3.

Số cấp/ *Number:*                    / XXXX/ NNPTNT-YYY

Có hiệu lực đến ngày      tháng      năm    / *Valid until (date/month/year)*

(\*) và thay thế Giấy chứng nhận số: ..... cấp ngày      tháng      năm

*and replaces The Certificate N<sup>o</sup> ..... issued on (day/month/year)*

....., ngày      tháng      năm

....., *day/month/year*

**TRƯỞNG BAN**  
(ký tên, đóng dấu)

*XXXX: 4 chữ số của năm cấp giấy*

*YYY: chữ viết tắt tên Tỉnh, Thành phố theo tên viết tắt địa phương, nơi cơ sở SXKD được thẩm định, chứng nhận đủ điều kiện ATTP.*

*(\*): Ghi trong trường hợp Giấy chứng nhận được cấp lại*

**8. Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông, lâm, thủy sản (trước 06 tháng tính đến ngày giấy chứng nhận hết hạn)**

**a) Trình tự thực hiện:**

*Bước 1: Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thực phẩm nộp hồ sơ qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến hoặc bưu điện hoặc nộp trực tiếp tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả thuộc Ban Quản lý An toàn thực phẩm vào tất cả các ngày làm việc từ thứ hai đến thứ sáu, trừ các ngày lễ theo quy định.*

*Bước 2: Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả nhận đủ hồ sơ, chuyển phòng chuyên môn*

*Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan nhà nước có thẩm quyền kiểm tra thực tế điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm tại cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm; nếu đủ điều kiện thì phải cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm; trường hợp từ chối thì phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.*

*Phòng chuyên môn trả kết quả đến Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả để gửi trả kết quả cho tổ chức, cá nhân.*

**b) Cách thức thực hiện:** Nộp qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến hoặc qua đường bưu điện hoặc nộp trực tiếp tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả thuộc Ban Quản lý An toàn thực phẩm

**c) Thành phần hồ sơ:**

- Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm;
- Bản thuyết minh về cơ sở vật chất, trang thiết bị, dụng cụ bảo đảm điều kiện vệ sinh an toàn thực phẩm của cơ sở theo quy định.

**Các thành phần hồ sơ sau có thể gửi khi nộp hồ sơ hoặc cung cấp cho Đoàn thẩm định khi đến thẩm định thực tế tại cơ sở:**

- Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (Doanh nghiệp cần tra cứu thông tin doanh nghiệp trước khi nộp hồ sơ tại địa chỉ: <https://dangkykinhdoanh.gov.vn/>; nếu thông tin đã được cập nhật trên hệ thống đăng ký kinh doanh thì không cần phải nộp thành phần hồ sơ này);
- Bản sao Giấy xác nhận đủ sức khỏe của chủ cơ sở và người trực tiếp sản xuất, kinh doanh thực phẩm do cơ sở y tế cấp huyện trở lên cấp (có xác nhận của cơ sở);
- Giấy xác nhận đã được tập huấn kiến thức về an toàn thực phẩm của chủ cơ sở và của người trực tiếp sản xuất, kinh doanh thực phẩm theo quy định.

**d) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.**

**đ) Thời hạn giải quyết:** 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ

**e) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Tổ chức, cá nhân (Các cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông, lâm, thủy sản theo Quyết định phân công, phân cấp của UBND thành phố).

**g) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:** Ban Quản lý An toàn thực phẩm

**h) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm (có hiệu lực 3 năm)

**i) Phí:**

Phí thẩm định cấp Giấy chứng nhận an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông, lâm, thủy sản: 700.000 đồng/lần/cơ sở.

**k) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Không

**l) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:** Cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông, lâm, thủy sản phải đáp ứng các quy định tương ứng tại Điều: 10, 11, 12, 15, 16, 17, 18, 19, 20, 21, 22, 23, 24, 25, 26, 27, 44, 54, 55 Luật An toàn thực phẩm số 55/2010/QH12 ngày 17 tháng 06 năm 2010 của Quốc hội.

**m) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Luật An toàn thực phẩm năm 2010;
- Nghị định số 15/2018/NĐ-CP ngày 02 tháng 02 năm 2018 của Thủ tướng Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật An toàn thực phẩm;
- Thông tư số 286/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ tài chính Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định quản lý chất lượng, an toàn thực phẩm trong lĩnh vực nông nghiệp;
- Thông tư số 44/2018/TT-BTC ngày 07 tháng 05 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ tài chính về việc Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 285/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016 quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý phí, lệ phí trong công tác thú y; Thông tư 286/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định quản lý chất lượng, an toàn thực phẩm trong lĩnh vực nông nghiệp;
- Thông tư số 38/2018/TT-BNNPTNT ngày 25 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Quy định việc thẩm định, chứng nhận cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông, lâm, thủy sản đủ điều kiện an toàn thực phẩm thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;
- Thông tư số 32/2022/TT-BNNPTNT ngày 30 tháng 12 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc sửa đổi, bổ sung một số Thông tư quy định việc thẩm định, chứng nhận cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông, lâm, thủy sản đủ điều kiện an toàn thực phẩm thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;
- Quyết định 371/QĐ-BNN-QLCL ngày 19 tháng 01 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy

*sản thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;*

- Quyết định số 31/2018/QĐ-UBND ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Ủy ban nhân dân Thành phố Đà Nẵng về việc ban hành Quy định phân công, phân cấp, phối hợp quản lý an toàn thực phẩm trên địa bàn Thành phố Đà Nẵng;

- Quyết định số 10/2022/QĐ-UBND ngày 04 tháng 5 năm 2022 của Ủy ban nhân dân Thành phố Đà Nẵng sửa đổi, bổ sung một số điều của quy định phân công, phân cấp, phối hợp quản lý an toàn thực phẩm trên địa bàn Thành phố Đà Nẵng ban hành kèm theo Quyết định 31/2018/QĐ-UBND ngày 28 tháng 9 năm 2018 của UBND thành phố Đà Nẵng.

**Phụ lục IV**  
**MẪU GIẤY CHỨNG NHẬN CƠ SỞ ĐỦ ĐIỀU KIỆN**  
**AN TOÀN THỰC PHẨM**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 38/2018/TT-BNNPTNT ngày 25/12/2018 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

-----  
**GIẤY CHỨNG NHẬN**  
**CƠ SỞ ĐỦ ĐIỀU KIỆN AN TOÀN THỰC PHẨM**

*CERTIFICATE*

*OF COMPLIANCE WITH FOOD SAFETY REGULATIONS*

**BAN QUẢN LÝ AN TOÀN THỰC PHẨM THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**  
**CHỨNG NHẬN / CERTIFICATION**

Cơ sở/ *Establishment:*

Mã số/ *Approval number:*

Địa chỉ/ *Address:*

Điện thoại/ *Tel:*

Fax:

**Đủ điều kiện an toàn thực phẩm để sản xuất, kinh doanh sản phẩm:**

*Has been found to be in compliance with food safety regulations for following products:*

1.

2.

Số cấp/ *Number:*                    / XXXX/ NNPTNT-YYY

Có hiệu lực đến ngày    tháng    năm    / *Valid until (date/month/year)*

(\*) và thay thế Giấy chứng nhận số: ..... cấp ngày    tháng    năm

*and replaces The Certificate N<sup>o</sup>..... issued on (day/month/year)*

....., ngày    tháng    năm

**TRƯỞNG BAN**

(ký tên, đóng dấu)

XXXX: 4 chữ số của năm cấp giấy

YYY: chữ viết tắt tên Tỉnh, Thành phố theo tên viết tắt địa phương, nơi cơ sở SXKD được thẩm định, chứng nhận đủ điều kiện ATTP.

(\*): Ghi trong trường hợp Giấy chứng nhận được cấp lại